

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001-2008**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Trần Đại Dương**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths.Nguyễn Thị Diệp**

**HẢI PHÒNG 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI  
NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID PUBLIC CHI NHÁNH  
HẢI PHÒNG**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**Sinh viên** : Trần Đại Dương

**Giảng viên hướng dẫn:** Ths. Nguyễn Thị Diệp

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên:** Trần Đại Dương

**Mã SV:** 1012404041

**Lớp:** QT1401T

**Ngành:** Tài chính – Ngân hàng

**Tên đề tài:** Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Liên  
Doanh VID Public chi nhánh Hải Phòng

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu...).

-Xây dựng cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng và hiệu quả hoạt động tín dụng tại các ngân hàng thương mại hiện nay.

-Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động tín dụng tại ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Hải Phòng.

-Đưa ra các giải pháp và kiến nghị hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Hải Phòng.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

-Số liệu thu thập tại Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

-Số 22, Khu B1, Lô 7B, Lê Hồng Phong, Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Nguyễn Thị Diệp  
Học hàm, học vị : Thạc sỹ  
Cơ quan công tác : Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng  
Nội dung hướng dẫn : Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng Liên Doanh VID Public Hải Phòng

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....  
Học hàm, học vị:.....  
Cơ quan công tác:.....  
Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày..... tháng.....năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày..... tháng.....năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN  
*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN  
*Người hướng dẫn*

Trần Đại Dương

Nguyễn Thị Diệp

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2014*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

**PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày tháng năm 2014*  
Cán bộ hướng dẫn  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>  | <b>1</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....</b>               | <b>3</b>  |
| 1.1 Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại .....  | 3         |
| 1.1.1 Khái niệm tín dụng ngân hàng.....  | 3         |
| 1.1.2 Đặc trưng của hoạt động tín dụng ngân hàng.....  | 3         |
| 1.1.3 Chính sách tín dụng .....  | 4         |
| 1.1.4 Quy trình tín dụng .....   | 5         |
| 1.1.5 Một số hình thức tín dụng ngân hàng .....  | 6         |
| 1.2 Chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.....  | 9         |
| 1.2.1 Khái niệm chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.....  | 9         |
| 1.2.2 Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại                                 | 10        |
| 1.3 Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại                               | 17        |
| 1.3.1 Nhân tố về phía Ngân Hàng.....   | 17        |
| 1.3.2 Về phía khách hàng.....  | 18        |
| 1.3.3 Nền kinh tế.....   | 19        |
| <b>CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG LD VID PUBLIC - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG .....</b> | <b>21</b> |
| 2.1 Khái quát về Ngân hàng LD VID PUBLIC – CN HẢI PHÒNG .....  | 21        |
| 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển .....   | 21        |
| 2.1.2 Cơ cấu tổ chức .....   | 22        |
| 2.1.3 Tình hình hoạt động của Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng giai đoạn 2011-2013.....            | 25        |
| 2.2 Thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng .....               | 38        |
| 2.2.1 Quy mô và phát triển quy mô tín dụng.....  | 38        |
| 2.2.2 Mức độ rủi ro tín dụng.....  | 47        |
| 2.2.3 Mức độ sinh lời .....  | 51        |
| 2.3 Đánh giá chất lượng tín dụng của CN NHLĐ VID Public Hải Phòng...                                     | 52        |
| 2.3.1 Kết quả đạt được.....  | 52        |
| 2.3.2 Hạn chế về chất lượng tín dụng tại VID Public Bank HP .....  | 54        |
| 2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế.....   | 55        |
| <b>CHƯƠNG 3 : GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG LD VID PUBLIC – CN HẢI PHÒNG.....</b> | <b>64</b> |

|       |  |           |
|-------|--|-----------|
| 3.1   | Định hướng của Ngân hàng LD VID PUBLIC – Chi nhánh Hải Phòng đối với vấn đề chất lượng tín dụng..... | 64        |
| 3.1.1 | <i>Định hướng chung của Hội sở.....</i>  | 64        |
| 3.1.2 | <i>Định hướng phát triển của CN NHLĐ VID PUBLIC Hải Phòng ..</i>                                     | 64        |
| 3.2   | Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng .....       | 65        |
| 3.2.1 | <i>Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng .....</i>  | 65        |
| 3.2.2 | <i>Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát .....</i>   | 66        |
| 3.2.3 | <i>Chú trọng tới công tác đào tạo cán bộ tín dụng .....</i>  | 67        |
| 3.2.4 | <i>Giải pháp xử lý nợ xấu.....</i>   | 68        |
| 3.2.5 | <i>Nâng cao hiệu quả huy động vốn.....</i>   | 69        |
| 3.3   | Một số kiến nghị.....  | 70        |
| 3.3.1 | <i>Đối với Hội sở chính của VID Public Bank.....</i>   | 70        |
| 3.3.2 | <i>Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam .....</i>   | 73        |
| 3.3.3 | <i>Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành.....</i>   | 76        |
|       | <b>PHẦN KẾT LUẬN.....</b>  | <b>78</b> |
|       | <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>  | <b>80</b> |
|       | <b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....</b>   | <b>81</b> |



## LỜI MỞ ĐẦU

Ngân hàng thương mại đã hình thành và tồn tại và phát triển hàng trăm năm gắn liền với sự phát triển của kinh tế hàng hóa. Sự phát triển hệ thống ngân hàng đã tác động rất lớn và quan trọng đến quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hóa, ngược lại kinh tế hàng hóa phát triển mạnh mẽ đến giai đoạn cao nhất là nền kinh tế thị trường thì NHTM cũng ngày càng được hoàn thiện và trở thành những định chế tài chính không thể thiếu được. Ngân hàng là một trong những mắc xích quan trọng cấu thành nên hoạt động nhịp nhàng của nền kinh tế. Đối với bản thân các NHTM thì tín dụng là một mảng hoạt động lớn và đóng một vai trò đặc biệt quan trọng. Tầm quan trọng của hoạt động tín dụng được thể hiện trước hết ở chỗ nó mang lại nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng thu của các NHTM. Tuy nhiên, tín dụng cũng là hoạt động có rủi ro cao nhất của ngân hàng. Những rủi ro trong hoạt động tín dụng không những khiến cho hoạt động của NHTM kém hiệu quả mà còn có thể gây ra những tổn thất hết sức to lớn và gây ra những ảnh hưởng tiêu cực to lớn đối với cả nền kinh tế.

Ngân hàng LD VID Public - Chi nhánh Hải Phòng trong những năm qua rất chú trọng tới hoạt động tín dụng và từng bước hoàn thiện trong hoạt động kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, chất lượng tín dụng vẫn còn chưa tương xứng với tiềm lực hoạt động của Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng và bộc lộ những hạn chế nhất định như tiềm ẩn nhiều rủi ro, nợ xấu có xu hướng tăng, thị phần nhỏ hẹp, cơ cấu nợ còn chưa hợp lý.

Qua quá trình tìm hiểu, học tập, nghiên cứu và đặc biệt trong quá trình thực tập tại Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn và các anh chị cán bộ nhân viên trong ngân hàng, em xin nhận viết đề tài: “Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng”.

Khóa luận bao gồm 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề cơ bản về chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại.**

**Chương 2: Thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng.**

**Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng.**

Là một sinh viên mới được trang bị kiến thức căn bản, thời gian nghiên cứu và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các cán bộ công nhân viên Ngân hàng LD VID Public và bất cứ ai quan tâm đến vấn đề này để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

### 1.1 Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại

#### 1.1.1 Khái niệm tín dụng ngân hàng

Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng bằng tiền tệ giữa một bên là ngân hàng với một bên là các tổ chức, cá nhân trong xã hội, trong đó ngân hàng giao quyền sử dụng tiền cho họ với những điều kiện thoả thuận nhất định (thời gian, lãi suất, điều kiện đảm bảo, số lượng) theo nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Theo Luật các TCTD số 47/2010/QH12 (2010) thì “cấp tín dụng là việc thoả thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác” và “cho vay là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.”

Trong các nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, cho vay là nghiệp vụ quan trọng nhất của các ngân hàng thương mại để tài trợ cho chi tiêu của các doanh nghiệp, cá nhân và các cơ quan của Chính phủ. Hoạt động cho vay của ngân hàng có mối quan hệ mật thiết với tình hình phát triển kinh tế tại khu vực ngân hàng phục vụ, bởi vì cho vay thúc đẩy sự tăng trưởng của các doanh nghiệp, tạo ra sức sống của nền kinh tế. Đối với hầu hết các NHTM, khoản mục cho vay chiếm quá nửa giá trị tổng tài sản và tạo ra từ 1/2 đến 2/3 nguồn thu của ngân hàng. Đồng thời, rủi ro trong hoạt động ngân hàng có xu hướng tập trung vào danh mục các khoản cho vay. Như vậy, tín dụng ngân hàng có nhiều hình thức và cho vay là hình thức chủ yếu và chiếm phần lớn cấp tín dụng của NHTM. Trong phạm vi của khóa luận này, khi đề cập tới tín dụng ngân hàng chỉ giới hạn phạm vi là cho vay của ngân hàng thương mại.

#### 1.1.2 Đặc trưng của hoạt động tín dụng ngân hàng

Bản chất của tín dụng ngân hàng là quan hệ vay, mượn lẫn nhau trên cơ sở hoàn trả và nó có các đặc trưng sau đây:

-Tài sản trong quan hệ giao dịch tín dụng ngân hàng bao gồm hai hình thức là cho vay (bằng tiền) và cho thuê (bất động sản và động sản). Trước những năm 70 của thế kỷ 20 hoạt động tín dụng của NHTM chỉ có hình thức cho vay bằng tiền. Xuất phát từ tính đặc thù đó mà nhiều lúc thuật ngữ cho vay và tín dụng được coi là đồng nghĩa với nhau. Từ những năm 70 của thế kỷ 20 trở lại đây các hình thức cho thuê tài chính, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu,... Đã được các ngân hàng và các định chế tài chính khác cung cấp cho khách hàng. Đây là các loại hình tín dụng mới.

-Xuất phát từ nguyên tắc hoàn trả, bên cho vay khi chuyển tài sản cho người đi vay sử dụng phải có cơ sở rằng người đi vay sẽ trả đúng hạn gốc và lãi. Đây là yếu tố hết sức cơ bản trong quản trị tín dụng. Trong thực tế có không ít cán bộ và nhân viên tín dụng khi thẩm định khách hàng, xét duyệt cho vay không dựa trên cơ sở đánh giá đúng khả năng trả nợ của khách hàng mà chỉ chú trọng đến các tài sản bảo đảm, vì vậy đã gặp khó khăn khi thu hồi nợ vay và ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.

-Trong quan hệ tín dụng ngân hàng, ngân hàng sẽ chỉ phát vay cho bên vay vốn trên cơ sở cam kết hoàn trả vô điều kiện của bên vay. Về khía cạnh pháp lý, những văn bản xác định quan hệ tín dụng như hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ thực chất là lệnh phiếu trong đó bên đi vay cam kết hoàn trả vô điều kiện cho bên cho vay khi đến hạn thanh toán

-Giá trị lúc hoàn trả phải lớn hơn giá trị lúc cho vay, hay nói cách khác là người đi vay phải trả thêm cả phần lãi ngoài vốn gốc cho ngân hàng.

### ***1.1.3 Chính sách tín dụng***

Hoạt động tín dụng là hoạt động bao trùm của ngân hàng. Với tầm quan trọng và quy mô lớn, hoạt động này được thực hiện theo một chính sách rõ ràng được xây dựng và hoàn thiện qua nhiều năm, đó là chính sách tín dụng. Chính sách tín dụng phản ánh cương lĩnh tài trợ của một ngân hàng, trở thành hướng dẫn chung cho cán bộ tín dụng và các nhân viên ngân hàng, tăng cường chuyên môn hóa trong phân tích tín dụng, tạo ra sự thống nhất chung trong hoạt động tín dụng nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao khả năng sinh lời.

Toàn bộ các vấn đề có liên quan đến cấp tín dụng nói chung đều được xem xét và đưa ra trong chính sách tín dụng như: Quy mô, lãi suất, kỳ hạn, đảm bảo, phạm vi, các khoản tín dụng có vấn đề và các nội dung khác. Các nội dung cơ bản của chính sách tín dụng được thể hiện chi tiết qua các chính sách cụ thể: Chính sách khách hàng; Chính sách quy mô và giới hạn tín dụng; Lãi suất và phí suất tín dụng; Thời hạn tín dụng và kỳ hạn nợ; Các khoản bảo đảm; Chính sách đối với các tài sản có vấn đề.

### ***1.1.4 Quy trình tín dụng***

Quy trình tín dụng là bảng tổng hợp mô tả các bước đi cụ thể từ khi tiếp nhận nhu cầu vay vốn của khách hàng cho đến khi ngân hàng ra quyết định cho vay, giải ngân, thu nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng. Hầu hết các NHTM đều tự thiết kế cho mình một quy trình tín dụng cụ thể, bao gồm nhiều bước đi khác nhau với kết quả cụ thể của từng bước đi.

Trong quy trình tín dụng, bước lập hồ sơ đề nghị cấp tín dụng là khâu căn bản đầu tiên nhưng rất quan trọng, vì nó là khâu thu thập thông tin làm cơ sở thực hiện các khâu sau, đặc biệt là khâu phân tích và ra quyết định cho vay.

Tiếp theo là khâu phân tích tín dụng, khâu này sẽ phân tích khả năng hiện tại và tiềm tàng của khách hàng về sử dụng vốn tín dụng, khả năng hoàn trả và khả năng thu hồi vốn vay cả gốc và lãi, những rủi ro có thể xảy ra và khả năng kiểm soát các rủi ro đó, tính chân thực của hồ sơ vay vốn mà khách hàng cung cấp, thái độ trả nợ của khách hàng. Từ các cơ sở đó để ra quyết định cho vay hay không.

Sau khâu quyết định cho vay và ký hợp đồng tín dụng và hoàn thiện các hồ sơ liên quan sẽ là bước giải ngân. Khâu giám sát tín dụng và kiểm tra sau khi phát vay giúp cho ngân hàng nắm được diễn biến của khoản tín dụng đã cung cấp để có những hành động điều chỉnh hoặc can thiệp khi cần thiết, sớm ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra. Việc lựa chọn và áp dụng có hiệu quả các hình thức kiểm tra sẽ thiết lập được một hệ thống phòng ngừa hữu hiệu cho chất lượng tín dụng, góp phần cải thiện chất lượng tín dụng.

Thu nợ và thanh lý hợp đồng tín dụng là khâu quan trọng có tính quyết định đến hiệu quả và chất lượng của hoạt động tín dụng và toàn bộ hoạt động

của NHTM do đó ngân hàng phải tích cực trong công tác thu nợ. Việc tích cực đôn đốc, thu nợ và phát hiện kịp thời những điều kiện bất lợi xảy ra đối với khách hàng cùng những biện pháp xử lý phù hợp, đúng lúc, hiệu quả sẽ có tác dụng giảm thiểu các khoản nợ quá hạn và điều đó sẽ có tác dụng tích cực đối với chất lượng tín dụng.

### ***1.1.5 Một số hình thức tín dụng ngân hàng***

#### ***1.1.5.1 Theo thời hạn vay vốn***

-Tín dụng ngắn hạn: Là những khoản cho vay có thời hạn tối đa là 12 tháng và được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng. Tín dụng ngắn hạn thường được dùng để bù đắp sự thiếu hụt vốn lưu động của các doanh nghiệp và các nhu cầu chi tiêu cá nhân.

-Tín dụng trung hạn: Là những khoản cho vay có thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm. Những khoản cho vay này chủ yếu để đổi mới trang thiết bị, công nghệ, đầu tư mua sắm tài sản cố định, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, xây dựng các dự án có quy mô vốn vừa có thời gian thu hồi vốn nhanh.

-Tín dụng dài hạn: Là hình thức tín dụng có thời hạn trên 5 năm. Tín dụng dài hạn thường được sử dụng để tài trợ cho các nhu cầu dài hạn như xây dựng nhà ở, đầu tư mua sắm tài sản cố định có giá trị cao, xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, các dự án lớn, thời gian thu hồi vốn dài.

Việc phân chia các hình thức tín dụng theo thời gian có ý nghĩa quan trọng đối với ngân hàng vì thời gian cho vay liên quan chặt chẽ đến khả năng hoàn trả nợ của khách hàng, đến mức độ an toàn và khả năng sinh lời của tín dụng.

#### ***1.1.5.2 Theo tài sản bảo đảm tiền vay***

-Tín dụng có bảo đảm bằng tài sản: Là cho vay có các tài sản bảo đảm thông qua thế chấp, cầm cố hoặc phải bảo lãnh của bên thứ ba. Đối với khách hàng chưa có uy tín cao đối với ngân hàng khi vay vốn đòi hỏi phải có bảo đảm bằng tài sản. Sự bảo đảm này là căn cứ pháp lý để ngân hàng có thêm một nguồn thu nợ dự phòng, phòng ngừa rủi ro.

-Tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản: Là cho vay không có tài sản bảo đảm dưới các hình thức thế chấp, cầm cố tài sản mà việc cho vay chỉ dựa vào uy tín của khách hàng. Đối với các khách hàng có uy tín, thường là các khách hàng thường xuyên của ngân hàng, kinh doanh có lãi, tình hình tài chính mạnh, có năng lực quản trị và quản trị có hiệu quả, ít xảy ra tình trạng nợ nần, hoặc món vay có số tiền vay tương đối nhỏ so với vốn của người vay thì ngân hàng có thể xem xét cấp tín dụng dựa vào uy tín bản thân khách hàng mà không cần có nguồn thu thứ hai dự phòng, bổ sung.

### ***1.1.5.3 Theo phương thức cấp tín dụng***

-Cho vay từng lần: Trong mỗi lần vay vốn, khách hàng và ngân hàng tiến hành thực hiện trình tự và đầy đủ những thủ tục vay vốn cần thiết như chuẩn bị hồ sơ vay vốn ký kết hợp đồng tín dụng và thực hiện các thủ tục liên quan khác. Phương thức này áp dụng với những khách hàng có nhu cầu vay vốn không thường xuyên, sản xuất không ổn định, kinh doanh theo thời vụ.

-Cho vay theo hạn mức tín dụng: Ngân hàng cấp cho khách hàng một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Việc cho vay và thu nợ đan xen nhau, không phân định ranh giới, thời điểm cụ thể lúc nào cho vay, lúc nào thu nợ. Phương thức này áp dụng đối với các khách hàng có nhu cầu vay trả thường xuyên, tình hình kinh doanh ổn định, vòng quay vốn nhanh và có uy tín trong quan hệ tín dụng với ngân hàng.

-Cho vay hợp vốn (cho vay đồng tài trợ): Là một nhóm TCTD cùng cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của khách hàng. Trong đó có một TCTD đứng ra làm đầu mối để dàn xếp, phối hợp với các TCTD khác. Việc cho vay hợp vốn phải thực hiện theo quy chế đồng tài trợ của các TCTD do NHNN Việt Nam ban hành và các quy định pháp luật liên quan.

-Cho vay theo dự án đầu tư: Ngân hàng cho khách hàng vay vốn để thực hiện dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư phục vụ đời sống.

-Cho vay trả góp: Ngân hàng và khách hàng xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc chưa được chia ra để trả nợ theo nhiều kỳ hạn trong thời hạn cho vay.

-Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng: TCTD chấp thuận cho khách hàng được sử dụng số vốn vay trong phạm vi hạn mức tín dụng để thanh toán tiền mua hàng hoá, dịch vụ và rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động (ATM) hoặc các điểm ứng tiền mặt là đại lý của TCTD.

-Cho vay theo hạn mức thấu chi: Là việc cho vay mà TCTD chấp thuận cho khách hàng chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng phù hợp với các quy định của Chính phủ và NHNN Việt Nam về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

-Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng: TCTD cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định. TCTD và khách hàng thoả thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng dự phòng, mức phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng.

### ***1.1.5.4 Theo mục đích tín dụng***

Căn cứ vào mục đích của sử dụng vốn vay của ngân hàng trong từng lĩnh vực của nền kinh tế người ta chia thành:

-Tín dụng bất động sản: Phục vụ cho việc mua những tài sản thực như nhà ở, trung cư, trung tâm mua bán, khu văn phòng, đất đai...

-Tín dụng nông nghiệp: Phục vụ cho các hoạt động nông nghiệp.

-Tín dụng công thương nghiệp: Phục vụ cho việc mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu.. phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công thương.

-Tín dụng tiêu dùng cá nhân: Là tín dụng phục vụ cho các hoạt động tiêu dùng cá nhân như mua xe hơi, du lịch...

-Tín dụng cho các tổ chức tài chính: Cấp tín dụng cho các khách hàng là các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tài chính trung gian khác...



### ***1.1.5.5 Theo nghiệp vụ tín dụng***

-Cho vay: Là hình thức cấp tín dụng, theo đó bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

-Bảo lãnh: Là hình thức cấp tín dụng, theo đó TCTD cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc TCTD sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết, khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho TCTD theo thỏa thuận.

-Chiết khấu: Là việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.

-Bao thanh toán: Là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

-Cho thuê tài chính: Là hoạt động tín dụng trung, dài hạn trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản giữa bên cho thuê là ngân hàng với khách hàng thuê. Khi kết thúc thời hạn thuê, khách hàng mua lại hoặc tiếp tục thuê tài sản đó theo các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng.

### ***1.1.5.6 Theo hợp đồng tiền được sử dụng cấp tín dụng***

-Cấp tín dụng bằng đồng nội tệ: Là loại tín dụng mà ngân hàng cấp tiền cho khách hàng bằng đồng tiền của nước mình.

-Cấp tín dụng bằng ngoại tệ: Là loại tín dụng mà ngân hàng cấp tiền cho khách hàng bằng đồng ngoại tệ. Ví dụ cho vay bằng USD, GBP, YEN ...

## **1.2 Chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại**

### ***1.2.1 Khái niệm chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại***

Theo Từ điển Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: “Chất lượng tín dụng là một khái niệm không thông dụng, bởi tín dụng bao hàm các hoạt động khác nhau khó đồng nhất và đo lường: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán, ... Thông thường trong phạm trù đơn giản Chất lượng Tín dụng được dùng để

phản ánh mức độ rủi ro trong bảng tổng hợp cho vay của một tổ chức tín dụng (hay còn gọi là chất lượng cho vay). Để phản ánh về chất lượng tín dụng, có rất nhiều chỉ tiêu, nhưng nói chung người ta thường lấy các chỉ tiêu: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ; Tỷ lệ nợ đã xóa, đã xử lý trên tổng dư nợ; Tỷ lệ và cơ cấu..

Cơ cấu dư nợ các khoản vay ngắn - dài hạn trong tương quan cơ cấu nguồn vốn của tổ chức tín dụng; Dư nợ cho vay các lĩnh vực rủi ro cao tại thời điểm đó: Bất động sản, cổ phiếu...; Số dư dự thu lãi trên tổng dư nợ; Chi phí dự phòng tín dụng hay số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ; Tỷ trọng cho vay 20 khách hàng lớn nhất.”

Mặt khác, khi đứng ở mỗi góc độ khác nhau ta sẽ có các cách hiểu khác nhau về chất lượng tín dụng của NHTM. Tổng hợp các quan điểm trên và đứng trên góc độ ngân hàng thương mại, ta có thể hiểu: *“Chất lượng tín dụng là một phạm trù phản ánh quy mô, mức độ rủi ro và sinh lợi trong hoạt động tín dụng của một ngân hàng thương mại”*.

### **1.2.2 Các chỉ tiêu phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại**

Để phản ánh chất lượng tín dụng của NHTM, chúng ta sử dụng nhiều chỉ tiêu khác nhau, mỗi chỉ tiêu phản ánh một hoặc một số khía cạnh nhất định của chất lượng tín dụng. Các chỉ tiêu này thường được phân theo nhóm các chỉ tiêu định lượng và nhóm các chỉ tiêu định tính. Tuy vậy, việc đo lường theo các chỉ tiêu định tính khó thực hiện và mang tính chất chủ quan. Do vậy, các chỉ tiêu định lượng chính được sử dụng để phân tích trong đề tài tập trung vào các nội dung sau:

#### **1.2.2.1 Các chỉ tiêu về quy mô tín dụng và phát triển theo quy mô tín dụng**

##### **a - Dư nợ tín dụng, doanh số cho vay và doanh số thu nợ**

- Doanh số cho vay: Là tổng số tiền ngân hàng đã cho vay đối với khách hàng trong một thời kỳ.
- Doanh số thu nợ: Là tổng số tiền gốc vay ngân hàng thu được từ khách hàng tín dụng trong một thời kỳ.

## Khóa luận tốt nghiệp

- **Dư nợ tín dụng:** Phản ánh số tiền thực tế mà khách hàng đang còn vay ngân hàng tại một thời điểm nhất định. Thông thường, đây là chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh quy mô tín dụng của NHTM.

$$\text{Dư nợ tín dụng cuối kì} = \text{Dư nợ tín dụng đầu kì} + \text{Doanh số cho vay trong kì} - \text{Doanh số thu nợ trong kì}$$

Khi NHTM tăng dư nợ tín dụng tức là doanh số cho vay trong kỳ lớn hơn doanh số thu nợ trong kỳ, đồng thời NHTM vẫn đảm bảo được thu nợ đúng hạn hoặc duy trì được tỷ lệ thu hồi nợ đúng hạn ở mức chấp nhận được thì khi đó chúng ta có thể khẳng định rằng quy mô tín dụng của ngân hàng đang tăng trưởng tốt, đang đảm bảo được công tác thu hồi nợ tốt.

Tuy nhiên, trong trường hợp dư nợ tín dụng tăng, doanh số cho vay không đổi và doanh số thu nợ giảm do có nhiều nợ quá hạn phát sinh trong kỳ thì việc tăng quy mô dư nợ tín dụng như vậy lại là điều thực sự không tốt của các NHTM. Tương tự n dư nợ tín dụng của một NHTM có thể giảm so với đầu kỳ do trong kỳ NHTM đó đã rất nỗ lực để thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu thì việc giảm quy mô dư nợ tín dụng như vậy lại là một thành công của NHTM đó.

Vì vậy, khi đánh giá các chỉ tiêu dư nợ tín dụng, doanh số cho vay và doanh số thu nợ, chúng ta cần phải căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội, căn cứ vào thực trạng hoạt động cho vay của NHTM ở một giai đoạn cụ thể và kết hợp các chỉ tiêu này để có các đánh giá, kết luận đầy đủ, chính xác hơn.

+ **Tỷ lệ tăng trưởng dư nợ tín dụng:** Là tốc độ tăng trưởng dư nợ của ngân hàng trong năm (i) so với dư nợ của ngân hàng trong năm (i-1). Chỉ tiêu này phản ánh tốc độ cho vay là nhanh hay chậm của ngân hàng và được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng} = \frac{\text{Dư nợ năm nay} - \text{Dư nợ năm trước}}{\text{Dư nợ năm trước}}$$

Nếu tỷ lệ này lớn hơn không, có thể kết luận rằng năm sau đã có sự mở rộng tăng trưởng tín dụng so với năm trước.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

+ Cơ cấu tín dụng: Là cấu trúc danh mục tín dụng của ngân hàng. Quy mô của ngân hàng là một nhân tố quan trọng quyết định cơ cấu cho vay của ngân hàng. Được xác định cơ cấu cho vay thông qua công thức:

$$\text{Tỷ trọng dư nợ cho vay loại } i = \frac{\text{Dư nợ cho vay loại } i}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$$

Dư nợ cho vay loại (i) có thể phân theo các tiêu thức khác nhau như: loại tiền cho vay, thời hạn cho vay, thành phần kinh tế, mục đích cho vay...

Các ngân hàng lớn thường cấp các khoản tín dụng giá trị lớn cho các công ty lớn. Trong khi đó, các ngân hàng nhỏ thường tập trung vào nghiệp vụ tín dụng bán lẻ dưới dạng các khoản cho vay cá nhân giá trị thấp, cho vay trả góp, cho vay các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, cơ cấu cho vay của một ngân hàng còn phụ thuộc vào tương quan giữa thu nhập dự tính trên các khoản tín dụng và thu nhập dự tính từ các tài sản tài chính khác. Với điều kiện các yếu tố khác không đổi, nhìn chung một ngân hàng muốn cung cấp những khoản vay mang lại tỷ lệ thu nhập dự tính cao nhất sau khi đã tính tới toàn bộ chi phí và rủi ro tổn thất tín dụng.

### **b- Thị phần**

Thị phần là phần thị trường tín dụng mà ngân hàng chiếm lĩnh ở một thời điểm nhất định. Thị phần càng cao chứng tỏ quy mô tín dụng của ngân hàng càng lớn, uy tín và năng lực tài chính của ngân hàng tốt.

$$\text{Thị phần} = \frac{\text{Tổng dư nợ tín dụng Ngân hàng}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng trên thị trường}}$$

### **c- Số lượng khách hàng**

Là tổng số các khách hàng tín dụng đang còn dư nợ tại ngân hàng ở một thời điểm nhất định.

$$\text{Dư nợ tín dụng} = \text{Số lượng khách hàng} \times \text{Quy mô món vay trung bình}$$

Vì vậy, nếu quy mô vay trung bình không tăng song số lượng khách hàng tăng thì dư nợ tín dụng sẽ tăng lên. Chỉ tiêu này phản ánh số lượng khách hàng và phạm vi cấp tín dụng của ngân hàng là rộng hay hẹp. Chỉ tiêu này khi kết hợp với chỉ tiêu dư nợ tín dụng và cơ cấu nợ cũng sẽ phản ánh mức độ phân tán rủi ro tín dụng của ngân hàng là nhiều hay ít. Nếu số lượng khách hàng tín dụng nhiều sẽ giúp ngân hàng phân tán được rủi ro và hệ số an toàn tín dụng cao hơn mặc dù chi phí nghiệp vụ tín dụng và chi phí quản lý có thể sẽ cao hơn.

Các NHTM đều mong muốn có được các tỷ lệ này cao vì hoạt động tín dụng là hoạt động mang lại thu nhập lớn cho ngân hàng. Mỗi ngân hàng có kết cấu tài sản, có chính sách khác nhau và đặc thù hoạt động riêng của mình nên tỷ lệ này khác nhau. Vì vậy, khi xem xét chất lượng tín dụng của một NHTM, ta không chỉ căn cứ vào một chỉ tiêu cụ thể mà phải sử dụng tổng hợp một hệ thống chỉ tiêu để có thể đưa ra kết luận chính xác.

### 1.2.2.2 Các chỉ tiêu mức độ rủi ro

#### - Chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Tỷ lệ nợ quá hạn phản ánh sự an toàn trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng, theo thông lệ quốc tế thì tỷ lệ này ở mức  $= < 5\%$  sẽ đảm bảo cho mức độ lành mạnh của hoạt động tín dụng. Nếu một ngân hàng có tỷ lệ nợ quá hạn quá cao thì sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro về khả năng thu hồi vốn vay. Mặt khác, ngân hàng sẽ gặp khó khăn trong việc mở rộng hoạt động của ngân hàng trong đó có hoạt động tín dụng vì không đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định của các cơ quan quản lý nhà nước, ảnh hưởng đến kế hoạch huy động và sử dụng vốn của ngân hàng. Rủi ro mất thanh khoản sẽ tăng lên do ngân hàng có thể sẽ gặp khó khăn khi khách hàng nhận thấy rủi ro tín dụng của ngân hàng tăng cao họ sẽ ít gửi tiền vào ngân hàng hơn.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

-Chỉ tiêu nợ phân theo nhóm nợ

$$\text{Tỷ lệ nợ theo nhóm } i = \frac{\text{Nợ thuộc nhóm } i}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Theo thông lệ, các khoản nợ được phân loại như sau:

-Nợ nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn. Bao gồm:

+ Các khoản nợ trong hạn và TCTD đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.

+ Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và TCTD đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng thời hạn còn lại.

-Nợ nhóm 2: Nợ cần chú ý. Bao gồm:

+ Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.

+ Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.

-Nợ nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn. Bao gồm:

+ Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.

+ Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.

+ Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.

-Nợ nhóm 4: Nợ nghi ngờ. Bao gồm:

+ Các khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày.

+ Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.

+ Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2.

-Nợ nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn. Bao gồm:

## Khóa luận tốt nghiệp

---

- + Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
- + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
- + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ 2.
- + Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 3 trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã bị quá hạn.
- + Các khoản nợ khoanh, chờ xử lý.

Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn. Nợ xấu hay nợ không đủ tiêu chuẩn là các khoản nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \text{Nợ xấu} / \text{Tổng dư nợ}$$

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \text{Nợ quá hạn} / \text{Tổng dư nợ}$$

Tỷ lệ nợ quá hạn là tỷ lệ phần trăm giữa nợ quá hạn và tổng dư nợ của NHTM ở một thời điểm nhất định thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm.

### - Tỷ lệ nợ xấu ngoại bảng/ Tổng dư nợ

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu ngoại bảng} = \frac{\text{Tỷ lệ nợ xấu ngoại bảng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

Nợ xấu ngoại bảng bao gồm các khoản nợ xấu đã dùng dự phòng rủi ro hoặc các nguồn khác để xử lý và chuyển ra theo dõi ngoại bảng để tiếp tục thu hồi, nợ khoanh chờ xử lý, nợ tồn đọng theo chương trình cho vay chỉ định của Chính Phủ,... Các ngân hàng thường cố gắng hạn chế chỉ tiêu này ở mức thấp nhất. Khi xem xét chỉ tiêu này cần phân biệt rõ những khoản nợ này thuộc đối tượng khách hàng nào, thời điểm xử lý theo dõi ngoại bảng là khi nào. Tỷ lệ này cho biết nợ xấu ngoại bảng chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng dư nợ.

Các ngân hàng thường tìm cách ngăn ngừa nợ xấu ngoại bảng. Do đó, chỉ tiêu này càng nhỏ càng tốt.

### **-Chỉ tiêu trích lập và sử dụng dự phòng**

Theo quy định hiện hành, các ngân hàng bắt buộc phải trích lập dự phòng để ước lượng giá trị các khoản vay có khả năng thu hồi. Trích lập dự phòng là giải pháp thu nợ dự phòng và phòng ngừa rủi ro.

Dự phòng rủi ro gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Trích lập dự phòng để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra.

Khi các khoản vay bị quá hạn, không có khả năng thu hồi thì NHTM sẽ sử dụng nguồn trích lập dự phòng bên cạnh các biện pháp khác để xử lý, thu hồi nợ vay cho ngân hàng. Như vậy, khi càng có nhiều nợ quá hạn, đặc biệt là khi tỷ lệ nợ quá hạn ở các nhóm nợ nhóm cao nhiều hơn (nợ khó thu hồi hơn, xấu hơn) thì có nghĩa là rủi ro tín dụng càng tăng cao hơn, khả năng không thu hồi được vốn vay càng lớn, khi đó các NHTM phải trích lập dự phòng nhiều hơn. Việc trích lập dự phòng là để phòng ngừa rủi ro không thu hồi được nợ vay, nguồn trích lập dự phòng sẽ được sử dụng là một trong các nguồn để thu hồi nợ vay và giảm bớt rủi ro tín dụng cho ngân hàng. Như vậy, càng ít nợ quá hạn và càng ít nợ quá hạn ở nhóm nợ phải trích lập dự phòng thì chất lượng cho vay càng cao và ngược lại.

### **1.2.2.3 Chỉ tiêu mức độ sinh lời**

#### **-Thu lãi từ hoạt động tín dụng**

Nguồn thu là điều kiện cần thiết để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của ngân hàng, do đó đây là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá chất lượng tín dụng của một NHTM. Chất lượng tín dụng của một NHTM không thể gọi là tốt khi mà thu lãi từ hoạt động này mang lại thấp.

$$\text{Chỉ tiêu} = \frac{\text{Thu lãi từ hoạt động tín dụng}}{\text{Tổng doanh thu của Ngân hàng}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, trong tổng doanh thu trên thu nhập của ngân hàng, thu lãi từ hoạt động tín dụng chiếm bao nhiêu, nó phản ánh mức độ đóng góp



của hoạt động tín dụng vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng. Tỷ lệ này cao, chứng tỏ thu lãi từ hoạt động tín dụng mang lại càng lớn, và nó cũng phản ánh chất lượng tín dụng tốt.

### **1.3 Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại**

#### **1.3.1 Nhân tố về phía Ngân Hàng**

##### **-Chiến lược kinh doanh**

Đây là nhân tố đầu tiên ảnh hưởng đến hiệu quả chất lượng tín dụng của ngân hàng. Chiến lược kinh doanh liên quan đến khả năng cạnh tranh thành công của ngân hàng trên thị trường. Nó liên quan đến các quyết định chiến lược về lựa chọn sản phẩm, giành lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ, đáp ứng nhu cầu khách hàng, khai thác và tạo ra các cơ hội. Dựa trên cơ sở một chiến lược kinh doanh được xác nhận, ngân hàng sẽ chuyển nó thành hành động, lập ra những kế hoạch như tăng trưởng tín dụng, marketing, nhân sự.

##### **-Quy định và chính sách Tín dụng của ngân hàng**

Chính sách tín dụng của ngân hàng như chiếc chìa khóa dẫn đến thành công trong hoạt động tín dụng. Chính sách tín dụng tốt sẽ thu hút được một lượng khách hàng lớn đảm bảo khả năng sinh lời trong hoạt động tín dụng trên cơ sở tuân thủ pháp luật quy định của nhà nước. Do đó chất lượng tín dụng ảnh hưởng bởi chính sách tín dụng của ngân hàng có tốt hay không.

Quy trình tín dụng là bao gồm tất cả các quy định thực hiện trong quá trình cho vay, thu nợ nhằm đảm bảo tính an toàn cho vốn tín dụng. Trong đó bước chuẩn bị cho vay là quan trọng nó là cơ sở định lượng rủi ro trong quá trình cho vay, công việc thẩm định đối tượng được phép cấp tín dụng cũng như quy định về điều kiện và thủ tục cho vay của ngân hàng quyết định tới chất lượng tín dụng. Việc vận hành tốt giữa các bước trong quy trình cấp tín dụng đảm bảo việc vốn tín dụng được hoạt động một cách bình thường, đúng kế hoạch. Ngoài ra việc linh hoạt trong quá trình cấp tín dụng gây tâm lý tốt cho khách hàng từ đó quy mô tín dụng được mở rộng.

### **-Công tác thông tin**

Trên cơ sở nguồn thông tin thu thập được, ngân hàng thực hiện phân tích tín dụng để đánh giá khả năng hiện tại và tiềm năng của khách hàng về vấn đề sử dụng vốn vay, cũng như đánh giá khả năng hoàn trả vốn vay đã vay. Ngân hàng sẽ tìm kiếm những khả năng có thể dẫn đến rủi ro cho ngân hàng, khả năng kiểm soát của ngân hàng về các rủi ro qua đó dự kiến các biện pháp phòng ngừa và hạn chế thiệt hại có thể xảy ra. Từ đó làm cơ sở để ra quyết định cấp tín dụng, có hay không quyết định cho khoản vay.

### **-Công nghệ của ngân hàng**

Thời đại hiện nay công nghệ hiện giúp cho ngân hàng cung cấp dịch vụ tiện ích, phong phú phục vụ nhu cầu ngày càng lớn và đa dạng của khách hàng. Do tính đặc thù của hoạt động cho vay khách hàng cá nhân là giao dịch với số lượng khách hàng đông và đa dạng, ngân hàng phải thực hiện một số lượng lớn các hợp đồng. Do đó, hệ thống công nghệ của ngân hàng hiện đại sẽ tiết kiệm được thời gian công sức của cán bộ tín dụng, vừa nhằm hạn chế tối đa sự sai sót, nhầm lẫn trong quá trình giao dịch với khách hàng.

### **-Chất lượng cán bộ nhân viên tín dụng**

Cán bộ tín dụng là người trực tiếp tiếp xúc với khách hàng, tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn khách hàng làm các thủ tục vay, thực hiện thu thập và xử lý thông tin về khách hàng để đưa ra quyết định cho vay, cũng như là người thực hiện giám sát sau khi cho vay và thu nợ. Do đó, mỗi cán bộ tín dụng phải có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ như đánh giá phân tích. Và có trách nhiệm trong công việc trên cơ sở lựa chọn được những khách hàng có đủ năng lực pháp lý, có đủ năng lực tài chính,... Nhờ có những cán bộ như vậy, các khoản cho vay diễn ra an toàn và hiệu quả, hoạt động cấp tín dụng sẽ được nhanh chóng và thuận tiện hơn rất nhiều.

### **1.3.2 Về phía khách hàng**

#### **-Năng lực tài chính**

Vấn đề quan trọng đầu tiên của cán bộ tín dụng khả năng trả nợ của khách. Một khoản vay cấp vốn được ngân hàng chấp nhận khi khách hàng đáp

ứng đầy đủ những yêu cầu về năng lực tài chính đủ lớn và lành mạnh để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng cần xem xét kỹ lưỡng những nguồn trả nợ nghi ngờ về tính lành mạnh hoặc nguồn đủ mạnh nhưng không ổn định.

### **-Tư cách đạo đức của khách hàng**

Phải nhắc đến kẻ nhân tố khách quan bên ngoài ngân hàng cũng ảnh hưởng tới cho vay khách hàng cá nhân, đó là đạo đức khách hàng. Nếu như khách hàng là người có ý thức trả nợ tốt đúng hạn, rủi ro tín dụng thấp thì sẽ kích thích ngân hàng mở rộng hoạt động cho vay, các quy định cũng sẽ không quá khắt khe.

### **-Rủi ro trong việc sử dụng vốn vay tín dụng**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh không tránh khỏi gặp yếu tố rủi ro phát sinh do thiên tai, hỏa hoạn, do sự thay đổi chính sách kinh tế của Nhà nước..ảnh hưởng trực tiếp cho khách hàng .

### **-Chiến lược kinh doanh của khách hàng**

Trong hoạt động kinh doanh thành công hay thất bại phụ thuộc rất nhiều vào kế hoạch chiến lược kinh doanh đúng đắn của khách hàng. Việc khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, không đúng với chiến lược sản xuất kinh doanh sẽ ảnh hưởng chất lượng khoản vay. Khách hàng dùng khoản vay đầu tư vào kế hoạch sản xuất kinh doanh rủi ro cao nhằm tìm khoản lợi nhuận lớn, sử dụng vốn của ngân hàng để chi tiêu sai mục đích khi đăng kí vay... Hoặc có một số trường hợp thậm chí kế hoạch kinh doanh có khả năng đem lại lãi nhằm chứng minh đủ điều kiện cấp vốn để chiếm dụng vốn khôn ngoan trả lại.

### **1.3.3 Nền kinh tế**

#### **-Môi trường kinh tế - chính trị**

Môi trường kinh tế, chính trị có ảnh hưởng tới hoạt động cho vay của khách hàng cá nhân. Nếu nền kinh tế phát triển tốt, thu nhập bình quân đầu người cao và môi trường chính trị ổn định thì hoạt động cho vay đối với khách hàng cá nhân sẽ diễn ra thông suốt, phát triển đều đặn và hạn chế những rắc rối xảy ra. Nếu môi trường có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các ngân hàng để dành khách hàng thì hoạt động cho vay của ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn.

### **-Môi trường tự nhiên**

Ảnh hưởng của thiên tai như hạn hán, lũ lụt, động đất... có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, đặc biệt là các ngành nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp. Do đó môi trường tự nhiên gây khó khăn cho khách hàng, chất lượng tín tại Ngân hàng giảm.

### **-Môi trường pháp lý**

Hệ thống pháp luật là cơ sở điều tiết các hoạt động trong nền kinh tế nói chung và hoạt động trong Ngân hàng nói riêng. Hệ thống pháp luật không đúng đắn, đồng bộ, chính sách bất ổn định gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh qua đó ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng.

## CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG LD VID PUBLIC - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

### 2.1 Khái quát về Ngân hàng LD VID PUBLIC – CN HẢI PHÒNG

#### 2.1.1 *Quá trình hình thành và phát triển*

Ngân hàng Liên doanh VID Public (VID Public Bank) là ngân hàng liên doanh giữa ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng PUBLIC BANK BERHAD - Malaysia được thành lập ngày 30/9/1991 theo tỷ lệ vốn góp 50:50. Theo Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 01/NH-GP ngày 25/3/1992 của NHNN Việt Nam, VID Public Bank khai trương hoạt động với chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội từ tháng 05/1992.

BIDV khai trương hoạt động ngày 26/04/1957 với tên gọi đầu tiên là ngân hàng Kiến thiết Việt Nam. BIDV là một trong 4 NHTM quốc doanh lớn nhất của Việt Nam, có tiềm lực tài chính mạnh và uy tín trên thị trường tài chính trong nhiều năm, đóng góp tích cực trong việc huy động các nguồn vốn trong nước và ngoài nước để cho vay tài trợ và tham gia vào các dự án phát triển.

PUBLIC BANK BERHAD khai trương hoạt động ngày 06/08/1966 và có mặt trên thị trường chứng khoán Kuala Lumpur từ 06/04/1967. PUBLIC BANK BERHAD là ngân hàng lớn thứ ba ở Malaysia, nhiều năm liền được Asiamoney, Euromoney, Finance Asia và nhiều tổ chức uy tín bình chọn là ngân hàng tốt nhất của Malaysia và ở khu vực.

Vốn điều lệ của VID Public Bank là hơn 1.000 tỷ đồng Việt Nam và tiếp tục tăng vốn tối thiểu lên 3.000 tỷ đồng trong năm 2014. Trong thời gian gần 20 năm hoạt động vừa qua, VID PUBLIC BANK đã được đạt những thành tích đáng kể và được xếp hạng là một trong những ngân hàng hàng đầu đạt thành tích cao nhất trong số những ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và là ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài duy nhất được NHNN Việt Nam trao giải thưởng cho những đóng góp vào sự nghiệp 10 năm đổi mới ngành ngân hàng và tuân thủ chính sách pháp luật của Việt Nam. VID Public Bank cũng là ngân hàng liên doanh đầu tiên được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2002 và năm 2007 cho những đóng góp của ngân hàng trong sự nghiệp phát triển kinh tế, hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước. VID Public Bank cũng

liên tục nhận được các bằng khen về các thành tích xuất sắc của các cơ quan hữu quan.

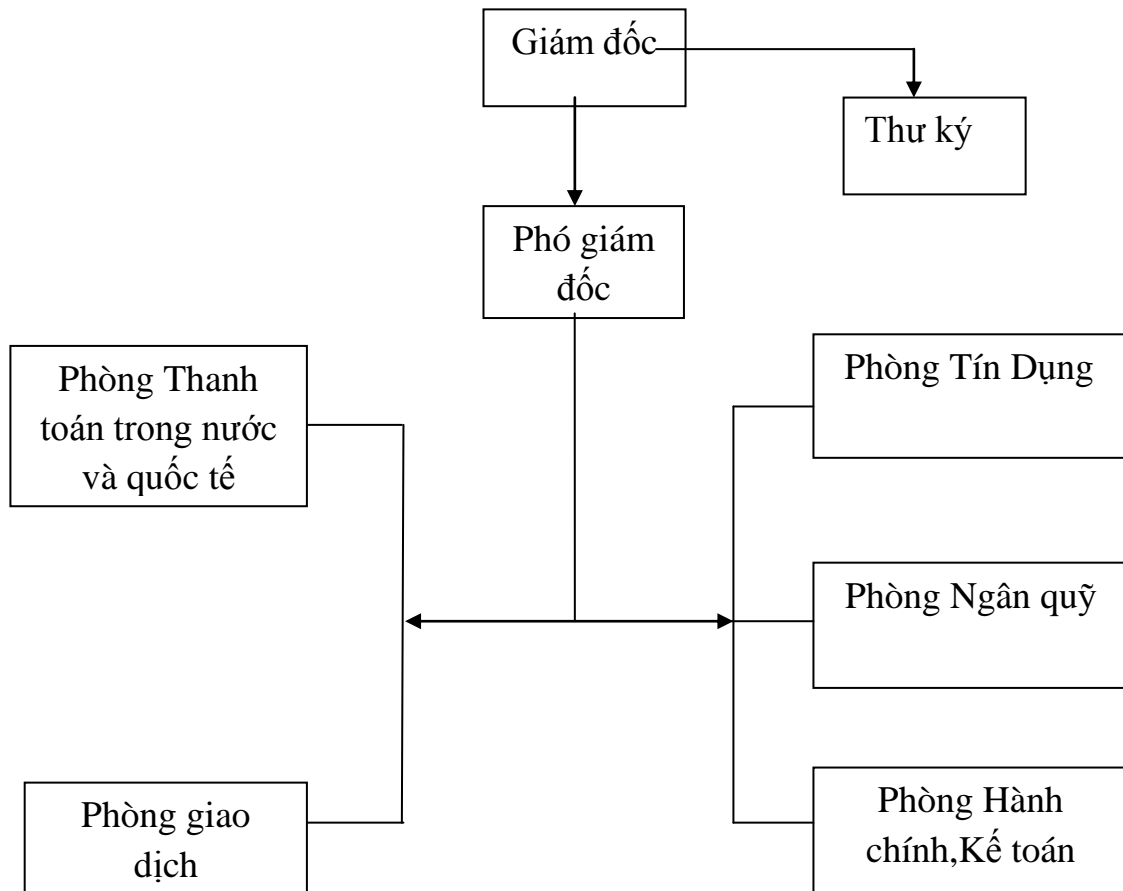
Với sự trợ giúp của hai ngân hàng mẹ là những ngân hàng hàng đầu của khu vực cùng với những hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng trong gần 20 năm qua, VID PUBLIC BANK có thể đáp ứng tốt nhất những yêu cầu đa dạng của khách hàng. Hiện nay, VID PUBLIC BANK đã có 8 chi nhánh ở các tỉnh và thành phố trọng điểm đó là Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Mạng lưới chi nhánh của ngân hàng sẽ được tiếp tục mở rộng trong thời gian sắp tới.

Ngân hàng Liên doanh VID Public – Chi nhánh Hải Phòng (VID Public Bank HP) được thành lập từ tháng 5/1996. Ngay từ năm đầu tiên đi vào hoạt động, VID PUBLIC BANK HP đã kinh doanh có lãi. Qua 18 năm hoạt động, mặc dù quy mô huy động vốn và cấp tín dụng còn ở mức khiêm tốn so với tiềm năng cũng như so với nhiều NHTM khác trên địa bàn Hải Phòng nhưng hoạt động của VID PUBLIC BANK HP đã liên tục phát triển với các chỉ tiêu cơ bản hàng năm như tổng tài sản, lợi nhuận, huy động vốn và dư nợ tín dụng có xu hướng tăng lên không ngừng, đảm bảo chất lượng danh mục tín dụng của ngân hàng ở mức khá và tốt.

### **2.1.2 Cơ cấu tổ chức**

Những ngày đầu mới thành lập, VID PUBLIC BANK HP chỉ có 13 cán bộ, công nhân viên. Đến thời điểm hiện nay chi nhánh đã có 5 phòng nghiệp vụ với tổng số 35 nhân viên (trong đó có 15 nam, 20 nữ) với trên 90% có trình độ đại học và trên đại học. Duy trì và phát huy tốt nề nếp và kỷ luật trong ngân hàng, toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên của chi nhánh luôn có ý thức rất cao trong phục vụ khách hàng. VID PUBLIC BANK HP được khách hàng trên địa bàn đánh giá là một trong những NHTM ở Hải Phòng có chất lượng phục vụ tốt nhất.

Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng



(Nguồn: Phòng nhân sự - Chi nhánh VID Public Bank tại HP)

Là đơn vị kinh tế trực liên doanh giữa 2 ngân hàng BIDV và ngân hàng Public Bank Berhad của Malaysia, Chi nhánh Ngân hàng VID Public Hải Phòng cũng như các chi nhánh thuộc các Thành phố khác, để phục vụ tốt cho hoạt động của mình, VID Public Hải Phòng đã thiết lập một cơ cấu bộ máy quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng. Đứng đầu là giám đốc Ngân hàng, giúp việc cho giám đốc có các phó giám đốc, thư ký, tiếp đó là hệ thống các phòng ban. Mỗi bộ phận thực hiện một chức năng riêng và hỗ trợ nhau trong công việc.

### **-Ban giám đốc**

Gồm 01 Giám đốc, và 01 Phó giám đốc chỉ đạo, điều hành chung toàn bộ hoạt động của Chi nhánh:

- Giám đốc: là đại diện pháp nhân của VID Public Hải Phòng có quyền cao nhất và chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan cấp trên và tập thể Cán bộ

công nhân viên về mọi mặt hoạt động kinh doanh của chi nhánh Ngân hàng VID Hải Phòng. Ông phụ trách quản lý, điều hành chung về tổ chức, hoạt động kinh doanh của ngân hàng, và giải quyết mọi công việc trong hạn mức mà Tổng giám đốc Ngân hàng VID PUBLIC cho phép đối với Giám đốc Chi nhánh.

-Phó giám đốc: giúp việc cho Giám đốc, chỉ huy và điều hành các chức năng quản trị nhưng ở mức độ sâu hơn, cụ thể hơn theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc.

### **-Các phòng ban:**

#### ***1. Phòng Hành chính:***

Thực hiện công việc hỗ trợ các phòng ban đảm bảo điều kiện vật chất, quản lý tài sản, lưu trữ văn thư... nhằm phục vụ công tác quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh tại chi nhánh, tổ chức đào tạo và tuyển dụng quản lý nhân sự, quản lý quỹ lương tại chi nhánh phù hợp với quy định của ngân hàng VID Public Hải Phòng.

#### ***2. Phòng Tín Dụng:***

Thực hiện các chức năng cho vay ngắn trung dài hạn bằng Đồng tiền nội tệ và ngoại tệ. Quản lý, kiểm soát công nợ của các đối tượng cá nhân và tổ chức kinh tế cho vay. Tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra đầy đủ của hồ sơ tín dụng, phát hành bảo lãnh... Lập kế hoạch báo cáo tình hình hoạt động tín dụng tại chi nhánh.

#### ***3. Phòng kế toán:***

Tham mưu cho giám đốc về hoạt động chung của chi nhánh, lập kế hoạch tài chính và báo cáo hàng năm với Hội sở chính. Hoạch toán cân đối quản lý công nợ, báo cáo hoạt động thu chi, lợi nhuận của chi nhánh.

#### ***4. Phòng thanh toán quốc tế:***

Là đầu mối thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán xuất nhập khẩu hàng hoá dịch vụ của khách hàng bao gồm nghiệp vụ L/C và nhờ thu kèm chứng từ thanh toán. Phát hành thư bảo lãnh đối với nước ngoài kể cả việc mở và thanh toán L/C trả chậm với mức ký quỹ 100% và các hồ sơ bảo lãnh của phòng Khách hàng thẩm định chuyển đến. Thực hiện các lệnh chuyển tiền đi nước ngoài...



### **5. Phòng Giao dịch**

Thực hiện các giao dịch bán sản phẩm dịch vụ của ngân hàng cho khách hàng tại quầy giao dịch, thực hiện marketing bán các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng tại quầy giao dịch. Tiếp thu ý kiến phản hồi của khách hàng để phản ánh với lãnh đạo hoặc có đề xuất cải tiến đáp ứng sự hài lòng của khách hàng.

### **6. Phòng Ngân Quỹ:**

Quản lý, điều hòa tiền mặt và ngân phiếu thanh toán một các linh hoạt đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của khách hàng, quản lí tài sản cầm cố, chứng từ... Kiểm đếm thu chi tiền mặt cho khách hàng, các dịch vụ thanh toán sec, đổi ngoại tệ...

### **2.1.3 Tình hình hoạt động của Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng giai đoạn 2011-2013**

#### **2.1.3.1 Tình hình nguồn vốn – tài sản**

Trong những năm qua, VID PUBLIC BANK HP về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được Hội sở chính giao. Nhưng còn một số vấn đề cần phải giải quyết đưa ra những biện pháp để cải thiện tình hình nợ quá hạn, nợ xấu trong thời gian tới. VID là một trong các chi nhánh của hệ thống VID Public Bank về chất lượng cũng như hiệu quả hoạt động tín dụng. Điều đó được thể hiện một phần ở các chỉ tiêu tổng tài sản và nguồn vốn của VID PUBLIC BANK HP đã tăng trưởng trong giai đoạn 2011-2013.

Một số chỉ tiêu cơ bản về nguồn vốn - tài sản của VID PUBLIC BANK HP được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.1: Tình hình nguồn vốn - tài sản của Ngân hàng LD VID Public-CN Hải Phòng giai đoạn 2011-2013**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu                              | 2011    |               | 2012    |               | 2013    |               |
|---------------------------------------|---------|---------------|---------|---------------|---------|---------------|
|                                       | Số tiền | Tăng trưởng % | Số tiền | Tăng trưởng % | Số tiền | Tăng trưởng % |
| Tài Sản:                              |         |               |         |               |         |               |
| -Tổng tài sản                         | 299,89  | -             | 389,13  | 29,75         | 400,27  | 13            |
| -Dư nợ cho vay                        | 188,72  | -             | 204,02  | 8             | 212,14  | 4             |
| <u>Dư nợ cho vay</u><br>Tổng tài sản  | 63%     |               | 52,4    |               | 53      |               |
| Nguồn vốn:                            |         |               |         |               |         |               |
| -Tổng nguồn vốn                       | 299,89  | -             | 389,13  | 29,75         | 400,27  | 13            |
| -Vốn huy động                         | 223,2   | -             | 236,4   | 6             | 225,17  | -4,7          |
| <u>Vốn huy động</u><br>Tổng nguồn vốn | 74%     |               | 60%     |               | 56%     |               |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của chi nhánh)*

Quan sát bảng trên cho ta thấy dư nợ tín dụng của chi nhánh chiếm tỷ trọng tương đối cao trong tổng tài sản của chi nhánh và đang có xu hướng giảm qua các năm 2012, 2013 do tình hình kinh tế đang trong giai đoạn khó khăn đang phục hồi, các doanh nghiệp ứ đọng hàng tồn kho, tình hình lạm phát vẫn cao. Nguồn vốn huy động của chi nhánh mặc dù cũng có xu hướng giảm dần một phần tăng dự trữ bắt buộc và dư nợ cho vay. Trong trường hợp có biến động giảm nguồn vốn huy động (khi khách rút tiền gửi) và tính thêm cả yếu tố cơ cấu huy động và cơ cấu cho vay theo loại tiền thì tổng lượng vốn huy động của VID PUBLIC BANK HP vẫn có thể duy trì hoạt động cấp tín dụng.

### **2.1.3.2 Các hoạt động cơ bản của VID Public Bank HP**

Trong các năm qua, các hoạt động cơ bản của VID Public Bank HP đã đáp ứng tốt, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và tình hình thị trường và mang lại nhu cầu cho hoạt động của chi nhánh. Chi tiết các hoạt động cơ bản này như sau:

#### **a. Hoạt động huy động vốn của VID Public Bank HP**

VID PUBLIC BANK HP không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, cố gắng và phát huy những lợi thế của mình trong cuộc cạnh tranh về huy động vốn giữa các ngân hàng. Với những hình thức huy động vốn đa dạng, linh hoạt và hoạt động marketing, VID PUBLIC BANK HP huy động được nguồn vốn trong giai đoạn kinh tế đang phục hồi, nhưng vẫn còn ở mức trung bình, như vậy vẫn còn phải cố gắng thu hút nguồn vốn nhiều hơn để tạo điều kiện cho hoạt động tín dụng của ngân hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Hiện nay tất cả các chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng LD VID Public đều được kết nối trực tuyến với nhau trong một hệ thống nối mạng điện tử và phần mềm chuyên dụng Smartbank cho phép khách hàng gửi, rút tiền và thực hiện các giao dịch khác ở bất kỳ chi nhánh nào của VID PUBLIC Bank ở Việt Nam. Trong rất nhiều năm, VID PUBLIC BANK HP không thu phí kiểm đếm tiền mặt khi khách hàng gửi tiền vào và rút tiền mặt cho cả Đồng Việt Nam và USD. Đây chính là một trong những điểm mạnh thu hút khách hàng giao dịch và gửi tiền tại CN NHLĐ VID Public Hải Phòng. Thời gian gần đây, VID PUBLIC BANK HP thực hiện thu phí kiểm đếm với một số ít khách hàng nộp tiền mặt vào đồng thời thực hiện ngay việc chuyển tiền trong nội tỉnh hoặc chuyển đi ngoại tỉnh theo phương thức chuyển tiền thanh toán giá trị thấp để bù đắp một phần chi phí do phí chuyển tiền ở các dạng này là rất thấp.

VID PUBLIC BANK HP là một trong số rất ít các NHTM tại Hải Phòng thực hiện tất cả các giao dịch vào buổi trưa (không ngừng giao dịch vào buổi trưa) suốt từ khi thành lập đến nay nên đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho khách hàng đến giao dịch được liên tục và xóa bỏ được tâm lý ngại đến ngân hàng giao dịch vào các thời điểm cuối giờ sáng hoặc ngay đầu giờ chiều của các khách hàng.

## Khóa luận tốt nghiệp

Các sản phẩm tiền gửi của chi nhánh cũng khá đa dạng và tiện lợi để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, bao gồm: Tiền gửi không kỳ hạn; Tiền gửi có kỳ hạn với các kỳ hạn phong phú từ một tuần, hai tuần, một tháng, hai tháng... đến 36 tháng với mức lãi suất hấp dẫn và tăng dần theo kỳ hạn gửi tiền; Tiền gửi ở tài khoản vãng lai ưu đãi áp dụng cho cá nhân với lãi suất cao hơn tiền gửi không kỳ hạn thông thường; Chứng chỉ tiền gửi tiền Việt Nam đồng và Đô la Mỹ.

VID PUBLIC BANK HP rất coi trọng công tác chăm sóc khách hàng. Với những khách hàng truyền thống, thân thiết, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, ngân hàng luôn dành cho họ sự chăm sóc đặc biệt như: Gửi thiệp chúc mừng, tặng quà nhân ngày sinh của khách hàng, ngày lễ, Tết và các dịp đặc biệt khác; Với những khách hàng lớn chi nhánh bố trí người và phương tiện đến tận nơi để nhận, phát tiền. Vì vậy, nguồn vốn huy động được của chi nhánh ngày càng tăng.

**Bảng 2.2: Cơ cấu huy động vốn của CN VID Public Hải Phòng theo loại tiền gửi**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu          | 2011    |              | 2012    |              | 2013    |              |
|-------------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--------------|
|                   | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) |
| Tổng vốn huy động | 223,2   | 100          | 236,4   | 100          | 225,17  | 100          |
| Theo loại tiền    |         |              |         |              |         |              |
| -VND              | 201,63  | 90,34        | 219,73  | 92,95        | 212,85  | 94,53        |
| -Ngoại tệ         | 21,57   | 9,66         | 16,67   | 7,05         | 12,32   | 5,47         |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của chi nhánh)*

Từ các số liệu trên bảng 2.2 chúng ta ta thấy nguồn vốn huy động của VID PUBLIC BANK HP năm 2011 tổng nguồn vốn huy động là 223,2 tỷ đồng đến năm 2012 đạt 236,4 tỷ đồng, tăng 13,2 tỷ đồng tương đương tăng 5,91%.

Còn đến năm 2013 con số này giảm xuống 11,23 tỷ đồng tương đương giảm 4,7% so với năm 2012 và dừng lại ở mức 225,17 tỷ đồng. Như vậy trong giai đoạn 2011 – 2013 là giai đoạn kinh tế đầy biến động và bất ổn nhưng Ngân hàng đã cố gắng phát huy với vị thế là ngân hàng liên doanh hoạt động có thương hiệu uy tín với các tổ chức kinh tế và cá nhân nên lượng vốn huy động tăng trưởng ở mức tốt.

Đi sâu vào phân tích nguồn vốn huy động theo loại tiền gửi ta thấy có sự trái ngược. Nếu như nguồn vốn tiền gửi bằng VND tăng trưởng đều trong 3 năm 2011 – 2013 thì trái lại, nguồn vốn theo ngoại tệ có xu hướng giảm dần, dẫn đến tình trạng giảm sút nhu cầu gửi tiền ngoại tệ. Nếu như ở năm 2011 nguồn vốn ngoại tệ đạt mức 21,57 tỷ thì đến năm 2012 đạt 16,67 tỷ đồng, giảm 4,9 tỷ đồng giảm một lượng nhỏ trong 3 năm. Nguồn vốn huy động bằng tiền VND có sự tăng trưởng tốt. Năm 2011 nguồn vốn huy động bằng VND đạt 201,63 tỷ thì đến năm 2012 tăng 18,1 tỷ đồng tương đương với 9% so với năm 2011, nhưng đến năm 2013 có sự sụt giảm ở mức 6,88 tỷ đồng tương đương 3% so với năm 2012.

Như vậy nhìn tổng vốn huy động của Ngân hàng mặc dù trong tình hình kinh tế đầy khó khăn nhưng cũng đã có biện pháp đổi đổi mới, tăng tính hiệu quả trong hoạt động huy động vốn theo loại tiền, tuy nhiên ngân hàng cần phải cân đối lại giữa vốn huy động tiền nội tệ và ngoại tệ.

**Bảng 2.3: Cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng theo thời gian huy động**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu          | 2011    |              | 2012    |              | 2013    |              |
|-------------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--------------|
|                   | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) |
| Tổng vốn huy động | 223,2   | 100          | 236,4   | 100          | 225,17  | 100          |
| Theo thời gian    |         |              |         |              |         |              |
| -Ngắn hạn         | 165,21  | 74,02        | 163,23  | 69,05        | 173,08  | 76,87        |
| -Trung và dài hạn | 57,99   | 25,98        | 73,17   | 30,95        | 52,09   | 23,13        |

*Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Theo bảng 2.3 ta thấy cho vay ngắn hạn của Ngân hàng chiếm tỷ trọng cao chiếm (trên 70%), trong khi đó tỷ trọng cho vay trung và dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng thấp (dưới 30%). Nguyên nhân do cho vay ngắn hạn có tính thanh khoản cao, thủ tục cho vay dễ dàng so với cho vay trung và dài hạn. Hơn nữa, vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu là nguồn vốn ngắn hạn nên đầu tư vốn tín dụng ngắn hạn nhiều thì vòng quay tín dụng sẽ nhanh hơn, khả năng xoay vòng vốn cao và rất an toàn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Cho vay trung và dài hạn mặc chiếm tỷ trọng thấp một phần do Ngân hàng gặp khó khăn về các NHTM khác trên địa bàn cạnh tranh về ưu đãi cũng như lãi suất, lượng khách hàng còn ít.

Hoạt động huy động vốn trong thời gian này về cơ bản đã đáp ứng gần đủ yêu cầu về vốn của chi nhánh. Trong nhiều năm trước đây, CN thường hoàn thành vượt mức chỉ tiêu huy động vốn mà Ban lãnh đạo ngân hàng đề ra. Tuy nhiên, những diễn biến không thuận lợi do suy thoái kinh tế trên thế giới, những khó khăn của kinh tế trong nước cùng với sự cạnh tranh khốc liệt từ các NHTM trên địa bàn trong những năm gần đây, trong đó có nhiều NHTM sử dụng các

biện pháp cạnh tranh không lành mạnh và sẵn sàng phạm luật, chấp nhận rủi ro cao, chịu lỗ, lòng vòng lách luật... để lôi kéo khách hàng của nhau đã khiến cho một đơn vị khá nghiêm chỉnh như VID PUBLIC BANK HP gặp phải nhiều khó khăn và suy giảm nguồn huy động ở nhiều thời điểm.

Bên cạnh đó, sự tăng trưởng tín dụng của CN và những quy định khắt khe hơn từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước cũng là những yếu tố tạo sức ép lớn lên công tác huy động vốn của ngân hàng. Vì vậy, VID PUBLIC BANK HP rất cần chủ động và linh hoạt hơn nữa để có những giải pháp huy động vốn hấp dẫn khách hàng, giữ được các khách hàng hiện tại và tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới tiềm năng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tiền đề cho tăng trưởng tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng của CN NHTM VID Public Hải Phòng.

### ***b. Hoạt động cho vay của NHTM VID Public Hải Phòng***

Ngân hàng LD VID Public mặc dù được thành lập khá sớm từ năm 1992 nhưng là ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài đến từ Malaysia nên chưa có hiểu biết nhiều về thị trường Việt Nam. Mặt khác, ngân hàng mẹ thực hiện duy trì chính sách phát triển các loại hình dịch vụ thu phí nhưng rất thận trọng trong cho vay nên hoạt động tín dụng của Ngân hàng LD VID Public khá đơn điệu, hạn chế với dư nợ rất thấp trong những năm đầu hoạt động. Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam và những thay đổi tích cực và cởi mở trong quan điểm và chính sách tín dụng của ngân hàng cấp trên, VID PUBLIC BANK HP bắt đầu chú trọng và đẩy mạnh tín dụng kể từ năm 2004 trở đi.

Cho đến nay VID PUBLIC BANK HP có thể đáp ứng, thoả mãn đầy đủ các nhu cầu vay vốn của khách hàng như: vay vốn ngắn hạn, vay vốn trung dài hạn; cho vay vốn đầu tư tài sản cố định, vay bổ sung vốn lưu động; Hình thức bảo đảm tiền vay đa dạng như thế chấp nhà đất, nhà xưởng, tài sản & máy móc thiết bị,... của bên thứ nhất hay bên thứ 3 theo đúng các quy định của pháp luật. VID PUBLIC BANK HP là một trong các ngân hàng đầu tiên ở Hải Phòng triển khai rất thành công một số loại hình cho vay mới như: cho vay mua ô tô trả góp.

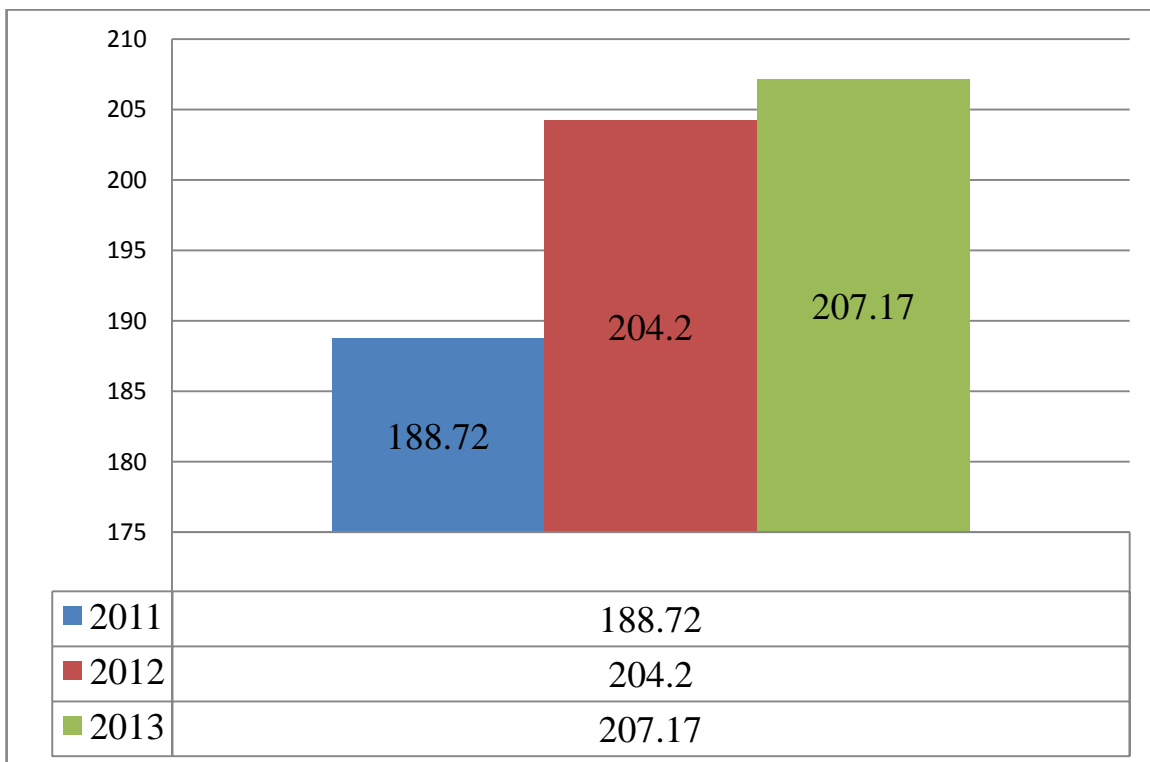
Trong giai đoạn 2011 - 2013, tổng mức dư nợ tín dụng tăng chậm một phần do tình hình kinh tế khó khăn, sự cạnh tranh của các NHTM khác trên địa bàn. Với sự cố gắng không ngừng khắc phục khó khăn và phong cách phục vụ chuyên nghiệp và tận tụy của đội ngũ cán bộ, nhân viên tín dụng của VID

PUBLIC BANK HP và việc triển khai nhiều hình thức cho vay với mục đích vay cho các đối tượng cho vay rộng với lãi suất hợp lý, thời gian cho vay và phương thức trả nợ linh hoạt nên phù hợp với nhu cầu của đa số khách hàng vay vốn.

Những năm gần đây, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, Hội đồng quản trị VID PUBLIC BANK đã quyết định đẩy đưa ra hoạt động tín dụng hợp lý phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, thể hiện qua chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng hàng năm duy trì ở mức tốt đáp ứng nhu cầu hoạt động của chi nhánh.

**Biểu đồ 2.1: Dư nợ tín dụng của CN VID Public Bank Hải Phòng giai đoạn 2011-2013**

*Đơn vị: Tỷ đồng, ngoại tệ quy đổi*



Song song với việc thúc đẩy hoạt động tín dụng, CN luôn chú trọng và quan tâm đặc biệt tới chất lượng công tác thẩm định tín dụng, kiểm soát, giám sát tín dụng sau khi cho vay, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng các khoản vay. Vì vậy, VID PUBLIC BANK HP có tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu ở mức chấp nhận được so với các CN khác trong cùng hệ thống cũng



như so với mức bình quân chung của toàn ngành ngân hàng. Lợi nhuận của VID PUBLIC BANK HP tăng trưởng ở mức tốt một phần là do CN phải trích lập nhiều dự phòng rủi ro tín dụng cho những khoản nợ xấu theo quy định của NHNN và cũng phải chi phí nhiều cho công tác xử lý và thu hồi nợ khó đòi. Có thể nói đây là kết quả của chính sách cho vay thận trọng, đồng thời cũng là sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ và nhân viên tín dụng của chi nhánh.

### ***c. Các hoạt động khác của NHLD VID Public Hải Phòng***

Bên cạnh hai nghiệp vụ chính của ngân hàng là huy động vốn và cho vay, VID PUBLIC BANK HP còn thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng khác như thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, bảo lãnh, dịch vụ kiểm đếm tiền mặt, dịch vụ thanh toán cước điện thoại qua điện thoại di động... nhằm đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, tăng nguồn thu từ các hoạt động phi tín dụng. Cụ thể như sau:

#### **- Hoạt động bảo lãnh ngân hàng của NHLD VID Public Hải Phòng**

Theo Luật các TCTD năm 2010 của nước ta thì bảo lãnh là một trong những nghiệp vụ tín dụng ngân hàng. Nghiệp vụ bảo lãnh ngân hàng được CN quan tâm phát triển và được triển khai từ rất sớm, với đa dạng dịch vụ bảo lãnh như: Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh thanh toán tiền nộp thuế, Bảo lãnh tiền ứng trước, Bảo lãnh bảo hành chất lượng sản phẩm... Do chất lượng công tác thẩm định khách hàng tốt, cơ chế bảo đảm khá chặt chẽ và sự nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ của các khách hàng yêu cầu bảo lãnh ngân hàng nên cho đến nay VID PUBLIC BANK HP chưa từng phải thanh toán thay cho bất kỳ khách hàng yêu cầu bảo lãnh ngân hàng nào nên đã khẳng định được uy tín của VID PUBLIC BANK HP đối với các đơn vị nhận bảo lãnh. Kết quả là doanh số dịch vụ bảo lãnh qua các năm tuy số tuyệt đối vẫn còn nhỏ. Năm 2011 doanh số bảo lãnh đạt 1,39 tỷ đồng, tăng 11,82% so với năm 2010. Năm 2012, doanh số bảo lãnh của CN đạt 1,68 tỷ đồng tăng 20,61% so với năm 2011. Năm 2013 tăng 10% so với năm trước, trong đó chủ yếu là các bảo lãnh thanh toán tiền thuế của các đơn vị nhập khẩu.

#### **-Hoạt động thanh toán quốc tế và trong nước**

Hiện nay VID PUBLIC BANK HP là một trong 3 CN ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài ở Hải Phòng (cùng với INDOVINA Bank và Ngân hàng liên

doanh Việt - Nga). Qua 18 năm hoạt động ở Hải Phòng với lợi thế có nhiều kinh nghiệm về hoạt động thanh toán quốc tế, có hệ thống ngân hàng đại lý rộng khắp trên thế giới, có nguồn ngoại tệ tương đối dồi dào, ổn định nên VID PUBLIC BANK HP là một ngân hàng tin cậy của những doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn Hải Phòng. Chi nhánh đang thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế đa dạng bao gồm: Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ (L/C); Phương thức thanh toán nhờ thu (D/P và D/A), Phương thức điện chuyển tiền (TT), séc ngân hàng (banker cheque), hối phiếu (demand draft).

Trong quá trình hoạt động, chi nhánh luôn phân đầu đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng về thanh toán và hoạt động thanh toán trong nước của chi nhánh đã có nhiều thay đổi đáng kể. Cho đến nay, chi nhánh đã tham gia rất hiệu quả vào hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN (CITAD) nên thời gian thanh chuyển tiền đi những tỉnh, thành phố lớn rất nhanh. Toàn hệ thống Ngân hàng LD VID Public đã được nối mạng trực tuyến, có nhiều sản phẩm mới như e-banking, internet-banking nên việc thanh toán cho các khách hàng trong cùng hệ thống được thực hiện ngay khi hạch toán. Thời gian thanh toán được rút ngắn tối đa, khối lượng thanh toán lớn nhưng mà vẫn đảm bảo an toàn.

### **- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của NHLD VID Public Hải Phòng**

Với lợi thế của một ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài nên ngay từ những ngày đầu thành lập, chi nhánh đã rất chú trọng và triển khai hoạt động kinh doanh ngoại tệ đáp ứng yêu cầu của các khách hàng có hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn Hải Phòng và các tỉnh lân cận. Chi nhánh đã thu hút được nhiều các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (doanh nghiệp FDI), các doanh nghiệp xuất nhập khẩu cũng như một số tổ chức nước ngoài đến mở tài khoản hoạt động. Thêm vào đó là thực hiện tỷ giá mua bán ngoại tệ linh hoạt đảm bảo lợi ích của khách hàng, chi nhánh có thể mua được khá nhiều ngoại tệ từ những doanh nghiệp này và bán cho những doanh nghiệp nhập khẩu có nhu cầu mua ngoại tệ để nhập khẩu hàng hóa.

Ngay cả trong những thời điểm khó khăn về ngoại tệ của nền kinh tế Việt Nam nói chung cũng như Hải Phòng nói riêng trong giai đoạn 2011 - 2013, thì nguồn cung cấp ngoại tệ của chi nhánh vẫn ở mức khá ổn định, có thể đáp ứng

phần lớn hoặc toàn bộ nhu cầu ngoại tệ của khách hàng. Hiện nay, chi nhánh đang cung cấp cho khách hàng các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ như: quyền chọn (option), giao ngay, kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ.

### **- Các hoạt động dịch vụ khác của NHLD VID Public Hải Phòng**

Tăng thu từ dịch vụ là xu hướng phát triển chung của các NHTM Việt Nam hiện nay. Vì vậy, bên cạnh các hoạt động và các dịch vụ cơ bản nêu trên thì VID PUBLIC BANK HP luôn dành một sự quan tâm đặc biệt cho việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ và gia tăng nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của một ngân hàng hiện đại, thông qua đó có thể xây dựng được hình ảnh, nâng cao thương hiệu, tăng thu nhập và hiệu quả kinh doanh cho ngân hàng. Các sản phẩm dịch vụ, các tiện ích của VID PUBLIC BANK HP ngày càng được đa dạng, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng như: mua bán séc du lịch, chi trả kiều hối, dịch vụ kiểm đếm tiền mặt, dịch vụ thu ngân hoặc cung ứng tiền mặt tại nhà, tại cơ sở kinh doanh của khách hàng, dịch vụ đại lý cho các hãng bảo hiểm, dịch vụ nạp cước điện thoại di động, dịch vụ tư vấn đầu tư. Thời gian gần đây VID PUBLIC BANK HP đã triển khai dịch vụ phone banking, internet banking. Máy rút tiền tự động của chi nhánh với thẻ ATM có tính bảo mật cao, rất an toàn cho người sử dụng. Tốc độ tăng trưởng của các dịch vụ này trung bình là trên 20%/năm, góp phần tăng thu nhập từ các dịch vụ ngân hàng và hỗ trợ hiệu quả công tác huy động vốn của chi nhánh.

**Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của chi nhánh trong giai đoạn 2011 - 2013 được thể hiện ở bảng sau:**

**Bảng 2.4: Tổng hợp kết quả kinh doanh của Ngân hàng LD VID Public - Chi nhánh Hải Phòng giai đoạn 2011-2013**

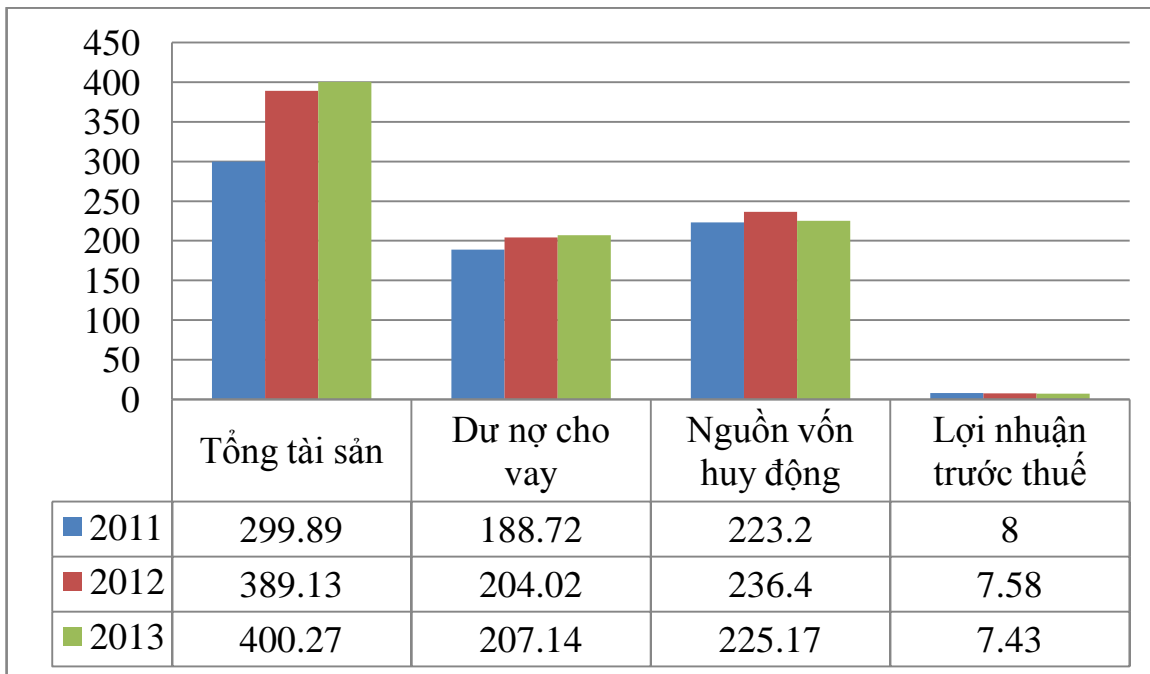
*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| STT | Chỉ tiêu             | 31/12/2011 | 31/12/2012 | 31/12/2013 |
|-----|----------------------|------------|------------|------------|
| 1   | Tổng tài sản         | 299,89     | 389,13     | 400,27     |
| 2   | Dư nợ cho vay        | 188,72     | 204,02     | 207,14     |
| 3   | Nguồn vốn huy động   | 223,2      | 236,4      | 225,17     |
| 4   | Lợi nhuận trước thuế | 8          | 7,58       | 7,43       |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của chi nhánh)*

Qua bảng trên ta thấy, các chỉ tiêu cơ bản gồm tổng tài sản, dư nợ tín dụng, nguồn vốn huy động của NHLĐ VID Public Hải Phòng nhìn chung có xu hướng tăng nhẹ trong 3 năm qua. Trong năm gần đây, dư nợ cho vay chiếm trên 60% tổng tài sản của chi nhánh, lợi nhuận trước thuế giảm nhẹ qua 2 năm 2012-2013 do tình hình kinh tế vẫn chưa phục hồi vẫn trong trạng thái đóng băng cùng với đó sự cạnh tranh mạnh mẽ các NHTM khác trên địa bàn thành phố.

**Biểu đồ 2.2: Tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng LD VID Public-CN Hải Phòng giai đoạn 2011-2013**



*(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của chi nhánh)*

Với 1 địa chỉ giao dịch duy nhất cùng với 35 cán bộ, nhân viên, có thể đánh giá NHLĐ VID Public Hải Phòng đã rất nỗ lực để có thể liên tục phát triển hoạt động kinh doanh của chi nhánh VID Public Hải Phòng.

Không dừng lại ở các thành tích đã đạt được, chi nhánh đang tiếp tục đổi mới phong cách phục vụ cũng như tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Hội sở chính và triển khai cung cấp nhiều dịch vụ, tiện ích mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn bằng những sản phẩm, những dịch vụ ưu việt hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nhằm giữ vững hệ thống các khách hàng tốt hiện tại đồng thời thu hút được thêm nhiều khách hàng giao dịch với ngân hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh của chi nhánh.

## 2.2 Thực trạng chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng

### 2.2.1 Quy mô và phát triển quy mô tín dụng

#### 2.2.1.1 Tổng dư nợ, doanh số cho vay và doanh số thu nợ

- **Tổng dư nợ:** Dư nợ cho vay của VID PUBLIC BANK HP liên tục tăng trong 3 năm 2011 - 2013. Năm 2012 dư nợ đạt 204,02 tỷ đồng, tăng ở mức 8 % so với năm 2011 do nền kinh tế bất ổn, tình trạng các DN sản xuất kinh doanh bị ứ đọng hàng tồn kho, CN đã áp dụng nhiều chính sách thông thoáng nhằm đẩy cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó có chính sách áp dụng lãi suất cho vay linh hoạt đối với các thành phần kinh tế. Tổng dư nợ năm 2013 của VID PUBLIC BANK HP tăng 1,5 % so với thời điểm 31/12/2012, VID Public Hải Phòng là một trong những ngân hàng có mức tăng trưởng dư nợ tốt so với các ngân hàng trên địa bàn Hải Phòng mặc dù tăng trưởng tín dụng bị chậm lại khá nhiều.

Chi tiết quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn như sau:

**Bảng 2.5 Quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**

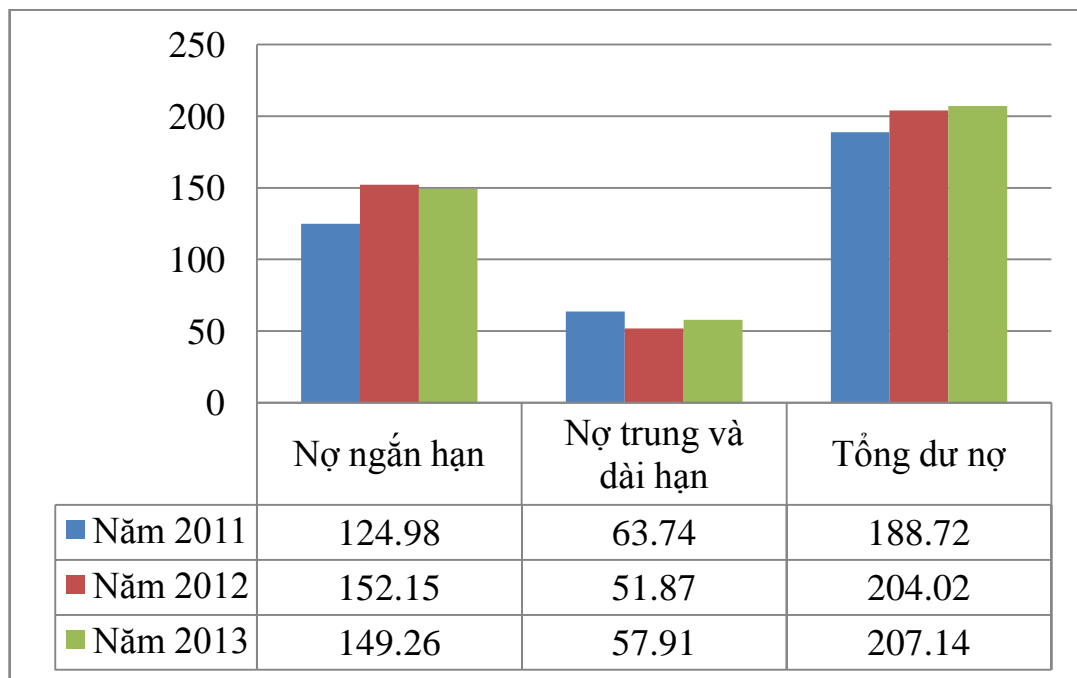
*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu         | 2011    |                | 2012    |                | 2013    |                |
|------------------|---------|----------------|---------|----------------|---------|----------------|
|                  | Số tiền | Chênh lệch (%) | Số tiền | Chênh lệch (%) | Số tiền | Chênh lệch (%) |
| Nợ ngắn hạn      | 124,98  | -              | 152,15  | 21,73          | 149,26  | -1,89          |
| Tỷ trọng         | 66,23   |                | 74,58   |                | 72,06   |                |
| Nợ trung dài hạn | 63,74   | -              | 51,87   | -18,62         | 57,91   | 11,64          |
| Tỷ trọng         | 33,77   |                | 25,42   |                | 27,94   |                |
| Tổng dư nợ       | 188,72  |                | 204,02  |                | 207,14  |                |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Qua bảng 2.5 do năm 2011 kinh tế bất ổn định, cơ chế có sự thay đổi. Ta có thể thấy ở năm 2011 tổng dư nợ đạt 188,72 tỷ đồng thì đến năm 2012 đạt mức 204,02 tỷ đồng, tăng 15,3 tỷ đồng tương đương 8,1%. Hai năm 2012 và năm 2013 quy mô tín dụng có phần tăng trưởng phục hồi trở lại.

**Biểu đồ 2.3 Quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo thời hạn của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**



*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Nền kinh tế thế giới và trong nước các năm gần đây có nhiều biến động, bất ổn và có rất nhiều điều chỉnh trong chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa của Chính phủ Việt Nam dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn lưu động của các thành phần kinh tế thiếu hụt. Trong khi đó, nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu cho doanh nghiệp là nguồn tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng. Vì vậy dư nợ cho vay ngắn hạn đạt được ở mức cao tại chi nhánh.

Trong khi đó tỉ lệ cho vay trung và dài hạn ở mức thấp dưới 30% trong 3 năm gần. Do các khoản tín dụng cho vay trung và dài hạn mục đích chính là đầu tư vào tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư lớn. Do đó mà thời gian thu hồi vốn dài, vòng quay chậm. Điều này không phù hợp với điều kiện kinh tế

## Khóa luận tốt nghiệp

hiện nay đang bất ổn làm cho các doanh nghiệp kinh doanh, đầu tư rất khó. Cho nên tỉ lệ cho vay vốn trung và dài hạn ở mức thấp.

Chi tiết quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo thành phần kinh tế như sau:

**Bảng 2.6 Quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo thành phần kinh tế của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| STT | Thành phần kinh tế       | 2011    |              | 2012    |              | 2013    |              |
|-----|--------------------------|---------|--------------|---------|--------------|---------|--------------|
|     |                          | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) | Số tiền | Tỷ trọng (%) |
| 1   | Cá nhân                  | 23,72   | 12,57        | 29,7    | 14,56        | 25      | 12,07        |
| 2   | DN có vốn đtư nước ngoài | 18,77   | 9,95         | 19,66   | 9,64         | 24,57   | 11,86        |
| 3   | Công ty CP, Công ty TNHH | 96,3    | 51,03        | 103,19  | 50,58        | 101,76  | 49,12        |
| 4   | Doanh nghiệp nhà nước    | 20,53   | 10,88        | 22,09   | 10,83        | 22,68   | 10,95        |
| 5   | Doanh nghiệp tư nhân     | 18,3    | 9,7          | 20,13   | 9,87         | 21,08   | 10,18        |
| 6   | Thành phần khác          | 11,07   | 5,87         | 9,22    | 4,52         | 12,05   | 5,82         |
| 7   | Tổng cộng                | 188,72  | 100          | 204,02  | 100          | 207,17  | 100          |

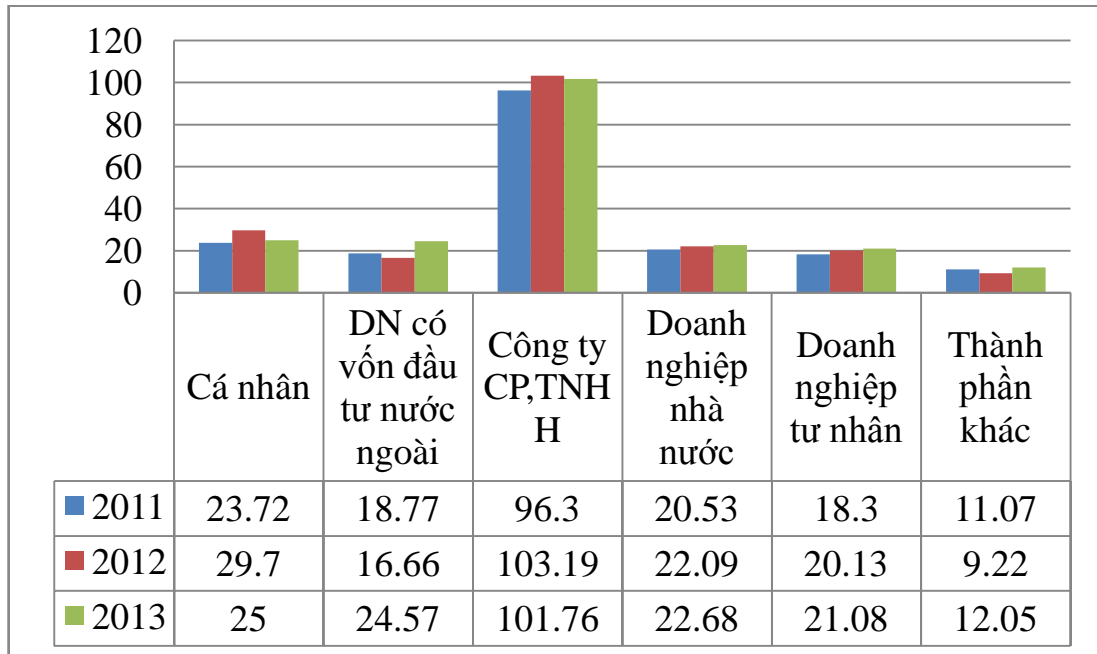
*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Với chính sách tín dụng hướng đến các khách hàng chủ đạo là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh nên trong những năm vừa qua, VID PUBLIC BANK HP đã chú trọng nhiều đến việc mở rộng cho vay đối với các công ty cổ phần, công ty TNHH. Và năm gần đây doanh nghiệp làm ăn hiệu quả được chính nhánh chú trọng việc cấp vốn.



**Biểu đồ 2.4 Cơ cấu dư nợ cho vay theo thành phần kinh tế của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**

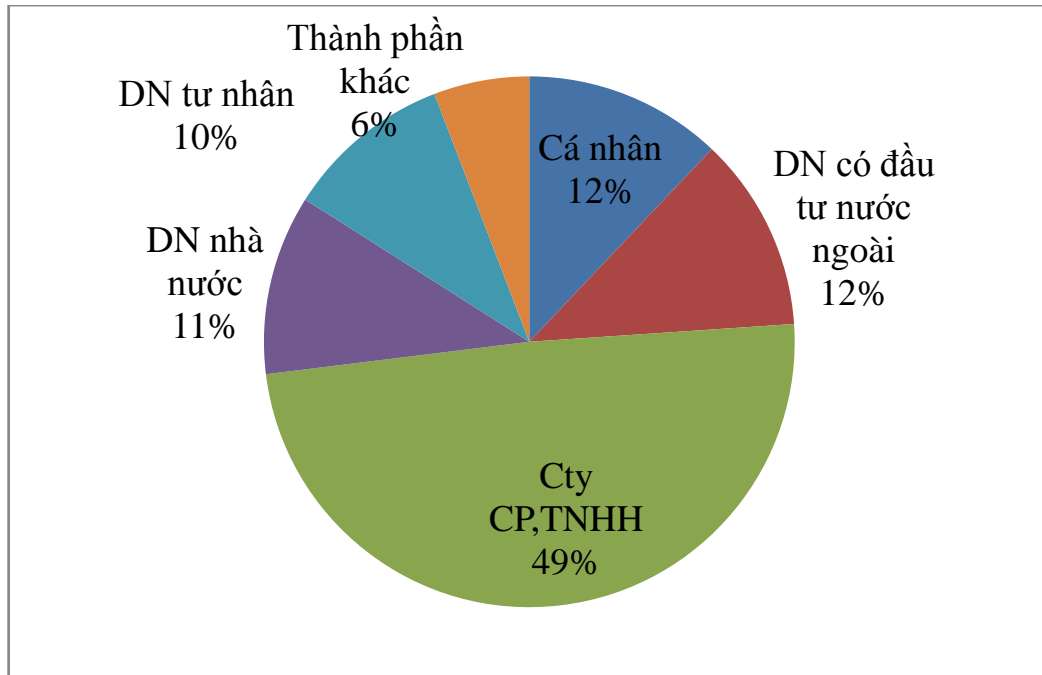
*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*



*Nguồn: (Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Qua bảng 2.6 ta thấy doanh số cho vay đối với các doanh nghiệp nhà nước có chiều hướng tăng nhẹ, cụ thể năm 2011 doanh số cho vay đạt 20,53 tỷ đồng đến năm 2012 đạt ở mức 22,09 tỷ đồng, tăng 1,56 tỷ đồng tương đương với 7,5%. Mảng cho vay các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có chiều hướng tăng giảm nhẹ do ảnh hưởng kinh tế bất ổn, chính sách nhà nước thay đổi. Cụ thể doanh số cho vay đối với Công ty CP, TNHH năm 2011 đạt 96,3 tỷ đồng đến năm 2012 đạt mức 103,19 tỷ đồng, tăng 6,89 tỷ đồng tương đương 7,1%, nhưng đến năm 2013 giảm 1,43 tỷ đồng tương đương với 1,38%. Thực hiện các hình thức tín dụng đa dạng, cùng với chính sách lãi suất linh hoạt Ngân hàng thu hút được một lượng các công ty ngoài quốc doanh tiếp cận nguồn vốn. Bên cạnh đó các doanh nghiệp nhà nước làm hiệu quả, Ngân hàng kiểm duyệt kỹ càng hồ sơ vay vốn cũng như khả năng trả cũng được chi nhánh cung cấp vốn để hoạt động kinh doanh.

**Biểu đồ 2.5 Cơ cấu dư nợ cho vay theo thành phần kinh tế năm 2013 của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**



*(Nguồn: Báo cáo tổng hợp năm 2013 của Chi nhánh)*

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước những năm gần đây hoạt động kinh doanh ổn định, VID PUBLIC BANK HP mạnh dạng tiếp cận cung cấp tín dụng cho nhóm doanh nghiệp này. Do đó mà dư nợ cho vay doanh nghiệp Nhà nước của chi nhánh chỉ chiếm 10,95 % đến thời điểm 31/12/2013.

Dư nợ thể nhân chiếm tới 12 % tổng dư nợ của VID PUBLIC BANK HP là do trong các năm gần đây qua chi nhánh đã phát triển một số sản phẩm, chính sách cho vay tiêu dùng..., thực hiện chọn lọc khách hàng cho vay theo hướng tập trung vào các khách hàng thể nhân có thu nhập khá, có cơ sở sản xuất kinh doanh hiệu quả và ổn định. Việc mở rộng cho các khách hàng thể nhân vay vốn đã giúp cho ngân hàng nâng cao chất lượng mà biểu hiện chủ yếu ở hiệu quả khá cao do lãi suất cho vay cao và phân tán rủi ro tín dụng ngân hàng, ngoài ra còn có tác dụng giới thiệu và quảng cáo ngân hàng một cách hiệu quả và nhanh chóng tới các khách hàng tiềm năng của chi nhánh.

Cơ cấu dư nợ cho vay theo loại tiền của chi nhánh cũng đang thay đổi với tỷ trọng dư nợ ngoại tệ đã tăng lên liên tục trong các năm qua. Chi tiết như sau:

**Bảng 2.7: Quy mô và cơ cấu dư nợ cho vay theo loại tiền của Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu                    | 2011    | 2012    |                             | 2013    |                             |
|-----------------------------|---------|---------|-----------------------------|---------|-----------------------------|
|                             | Số tiền | Số tiền | Chênh lệch so năm trước (%) | Số tiền | Chênh lệch so năm trước (%) |
| Dư nợ cho vay bằng nội tệ   | 162,3   | 177,64  | 9,45                        | 182,55  | 2,76                        |
| Tỷ trọng (%)                | 85,86   | 87,07   |                             | 88,13   |                             |
| Dư nợ cho vay bằng ngoại tệ | 26,68   | 26,38   | -1,12                       | 24,59   | -6,78                       |
| Tỷ trọng (%)                | 14,14   | 12,93   |                             | 11,87   |                             |
| Tổng dư nợ                  | 188,72  | 204,02  |                             | 207,14  |                             |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Qua bảng 2.7 ta thấy, tỷ trọng cho vay bằng nội tệ và ngoại tệ của chi nhánh khá cao. Tỷ trọng cho vay bằng nội tệ chiếm ở mức trên 80% trong giai đoạn 2011-2013. Trong khi đó, theo bảng 2.2, tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ của VID PUBLIC BANK HP tại các thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013 lần lượt là 92,95% và 94,53%. Có thể nói trong 2 năm 2012 và 2013 thì lượng vốn huy động tiền nội tệ của chi nhánh đủ để cho vay các khách hàng tín dụng. Mặt khác để chủ động an toàn hoạt động tín dụng chi nhánh dành một phần cho dự trữ bắt buộc, tiền mặt để chi trả cho khách hàng, tiền gửi tại NHNN và các NHTM khác. Trong giai đoạn 2011 - 2013, dư nợ cho vay ngoại tệ của chi nhánh luôn có xu hướng giảm so với các năm mức chấp nhận được. Tuy nhiên, cần có hướng đi đúng đắn kịp thời hiệu quả cho vay bằng ngoại tệ của chi nhánh. Bởi vì VID PUBLIC BANK HP có các lợi thế về nguồn ngoại tệ tốt, lợi thế nằm trong khu vực có các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Doanh số cho vay và doanh số thu nợ của VID PUBLIC BANK HP là khá lớn so với dư nợ tín dụng và tập trung ở các nhóm khách hàng mục tiêu, chủ đạo đã

## Khóa luận tốt nghiệp

phản ánh hoạt động tín dụng đang diễn ra theo chiều hướng khá tích cực. Cụ thể như sau:

**Bảng 2.8: Doanh số cho vay và doanh số thu nợ của Ngân hàng LD  
VID Public - CN Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2013**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu                      | 2011    | 2012    |                                 | 2013    |                                 |
|-------------------------------|---------|---------|---------------------------------|---------|---------------------------------|
|                               | Số tiền | Số tiền | Chênh lệch so với năm trước (%) | Số tiền | Chênh lệch so với năm trước (%) |
| Tổng dư nợ                    | 215,67  | 207,17  | -3,94                           | 204,02  | -1,5                            |
| Doanh số cho vay              | 256,45  | 237,58  | -7,3                            | 224,98  | -5,3                            |
| -D.số cho vay ngắn hạn        | 175,12  | 137,69  | -21,37                          | 140,43  | 1,98                            |
| -D.số cho vay trung – dài hạn | 81,33   | 99,89   | 22,82                           | 84,55   | -15,35                          |
| Doanh số thu nợ               | 208,57  | 246,08  | 17,98                           | 228,13  | -7,2                            |
| -D.số thu nợ ngắn hạn         | 157,32  | 196,83  | 25,11                           | 187,52  | -4,72                           |
| - D.số thu nợ trung – dài hạn | 51,25   | 49,25   | -3,9                            | 40,61   | -17,54                          |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

**-Doanh số cho vay:** Trong những năm qua, doanh số cho vay của VID PUBLIC BANK HP đã có sự tăng trưởng đáng kể. Năm 2011, doanh số cho vay của chi nhánh là 256,45 tỷ đồng. Con số này giảm xuống còn 7,3% trong năm 2012. Năm 2013 là một năm đầy biến động cho kinh tế thế giới và cả trong nước đã gây không ít khó khăn, bất lợi đến tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay chi nhánh vẫn đạt doanh số cho vay là 224,98 tỷ đồng. Doanh số cho vay của VID PUBLIC BANK HP giảm qua các năm là kinh tế đất nước đang trong giai đoạn khủng hoảng đang dần phục hồi, sự nguội lạnh trong sản xuất kinh doanh

của các Doanh nghiệp, tình trạng ứ đọng hàng hóa vẫn còn. Chi nhánh đã áp dụng nhiều chính sách phù hợp và thông thoáng nhằm phục hồi và duy trì cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh. Đồng thời, chi nhánh cũng áp dụng đa dạng phương thức cho vay với lãi suất cho vay linh hoạt đối với các thành phần kinh tế.

**-Doanh số thu nợ:** Song song với việc tăng trưởng doanh số cho vay, doanh số thu nợ của chi nhánh cũng có chiều hướng tích cực. Trong đó đáng chú ý là năm 2012 doanh số thu nợ đạt 246,08 tỷ đồng, tăng đến 17,98% so với năm 2011. Nguyên nhân là trong năm 2012 chi nhánh đã thu nợ khá tốt, trong đó thu nợ ngắn hạn chiếm tới 25,11% tổng doanh số. Đối tượng thu nợ chủ yếu là các công ty cổ phần, công ty TNHH trong nước, các cá nhân trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Qua bảng 2.8 kể trên, chúng ta thấy rằng, doanh số cho vay có xu hướng giảm và doanh số thu nợ chỉ tăng ở năm 2012 nhưng năm 2011 và năm 2013 vẫn giảm điều này làm dư nợ cho vay của chi nhánh luôn đạt ở mức chấp nhận được và giảm nhẹ qua các năm. Sự tăng trưởng của doanh số cho vay và doanh số thu nợ phản ánh khoảng thời gian kinh doanh ảm đạm của ngành Ngân hàng nói chung và Chi nhánh nói riêng, khả năng thu hồi nợ chưa hiệu quả, sinh lợi ít cho ngân hàng.

### 2.2.1.2 Thị phần

Mặc dù được thành lập từ khá sớm (05/1996) ở Hải Phòng nhưng tổng dư nợ cho vay của VID PUBLIC BANK HP cho đến nay vẫn còn rất nhỏ, chỉ chiếm thị phần là 0,64% tổng dư nợ tín dụng của các TCTD tại Hải Phòng.

So sánh ngay trong hệ thống Ngân hàng LD VID Public, Chi nhánh Hải Phòng thành lập trước chi nhánh Bình Dương 11 năm, song đến cuối năm 2013 thì nay dư nợ của chi nhánh Bình Dương đã gấp 2,27 lần dư nợ của Chi nhánh Hải Phòng. Chi nhánh Chợ Lớn thành lập năm 2006 nhưng đến nay dư nợ của chi nhánh này cũng gấp 1,37 lần so với chi nhánh Hải Phòng. Chi nhánh Đồng Nai được thành lập gần đây nhất vào tháng 03/2008 nhưng cũng đã đạt số dư nợ tín dụng gấp 1,4 lần chi nhánh Hải Phòng. Như vậy, có thể thấy rằng chi nhánh Hải Phòng là một trong các chi nhánh có tăng trưởng dư nợ tín dụng chậm nhất hệ thống VID Public Bank.

### 2.2.1.3 Số lượng khách hàng vay vốn của VID PUBLIC BANK HP

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và kinh tế thành phố Hải Phòng nói riêng, các doanh nghiệp Hải Phòng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và hàng năm có doanh nghiệp mới được thành lập. Đời sống dân cư cũng được cải thiện đáng kể trong các năm qua và có nhiều thay đổi trong thói quen tiêu dùng, thói quen sử dụng dịch vụ ngân hàng. Trong năm gần đây kinh tế âm ỉ, đang trong giai đoạn phục hồi. Những yếu tố trên đã ảnh hưởng nhu cầu tín dụng ngân hàng trong năm gần đây.

Không nằm ngoài xu thế chung của các ngân hàng trên địa bàn, VID PUBLIC BANK HP đã đẩy mạnh, đưa ra các hoạt động tín dụng mới, thu hút số lượng khách hàng vay vốn tại CN. Số liệu cụ thể về số lượng khách hàng vay vốn được thể hiện trong bảng sau.

**Bảng 2.9: Số lượng khách hàng vay vốn tại Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng**

*Đơn vị: Khách hàng*

| Loại hình khách hàng | 2011     | 2012     |                                 | 2013     |                                 |
|----------------------|----------|----------|---------------------------------|----------|---------------------------------|
|                      | Số lượng | Số lượng | Chênh lệch so với năm trước (%) | Số lượng | Chênh lệch so với năm trước (%) |
| DNNN                 | 8        | 6        | -25                             | 5        | -16,6                           |
| Cty cổ phần, TNHH    | 221      | 200      | -9,5                            | 184      | -8                              |
| DN tư nhân           | 11       | 10       | -9                              | 7        | -30                             |
| Công ty NN và LD     | 6        | 5        | -16,6                           | 5        | -                               |
| Cá nhân              | 149      | 135      | -9,3                            | 129      | -4,44                           |
| Tổng cộng            | 395      | 356      | -9,87                           | 330      | -7,3                            |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Khách hàng vay vốn của VID PUBLIC BANK HP chủ yếu là các công ty cổ phần và công ty TNHH. Năm 2013 đối tượng này là 184 khách hàng, chiếm 55,75% tổng số khách hàng. Các khách hàng này không chỉ vay vốn tại VID PUBLIC BANK HP mà còn sử dụng rất nhiều các dịch vụ khác của VID PUBLIC BANK HP như gửi tiền, thanh toán trong nước và quốc tế, mua bán ngoại tệ, bảo lãnh, ... nên đã đóng góp vào tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh của chi nhánh. Điều đó đã phản ánh định hướng đúng đắn trong chính sách tập trung cho vay của VID PUBLIC BANK HP cho đối tượng khách hàng này.

Tuy nhiên, cũng qua bảng số liệu kể trên thì ta thấy đối tượng khách hàng vay vốn là các công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và khách hàng cá nhân đang bị giảm liên tục trong 3 năm qua. Nguyên nhân là do VID PUBLIC BANK HP đã rà soát lại, chọn lọc và giảm một số khách hàng nhỏ, hay để nợ quá hạn, năng lực tài chính và năng lực quản lý yếu kém. Số lượng khách hàng tín dụng có giảm theo đó dư nợ của VID PUBLIC BANK HP có phần giảm đi trong các năm qua. Các khách hàng vay vốn cá nhân của VID PUBLIC BANK HP hiện nay thực hiện nghĩa vụ trả nợ của họ đang khó khăn xin gia hạn. Các khách hàng tín dụng chủ yếu của ngân hàng vẫn chủ yếu là các công ty cổ phần, TNHH và cá nhân với giá trị món vay còn ở quy mô vừa và nhỏ, VID PUBLIC BANK HP chưa thu hút được nhiều các khách hàng lớn vay vốn nên tổng dư nợ tín dụng còn thấp.

### ***2.2.2 Mức độ rủi ro tín dụng***

#### ***2.2.2.1 Nợ các nhóm***

**Bảng 2.10: Các nhóm nợ của CN NHLD VID Public Hải Phòng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu  | Năm 2011 | Tỷ trọng (%) | Năm 2012 | Tỷ trọng (%) | Năm 2013 | Tỷ trọng (%) |
|-----------|----------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|
| Nợ nhóm 1 | 204,51   | 94,83        | 192,25   | 92,8         | 188,14   | 92,22        |
| Nợ nhóm 2 | 8,5      | 3,97         | 10,52    | 5,08         | 9,71     | 4,76         |
| Nợ nhóm 3 | 0,2      | 0,10         | 1,49     | 0,72         | 2,14     | 1,05         |
| Nợ nhóm 4 | 1,7      | 0,79         | 2,03     | 0,98         | 2,04     | 1            |
| Nợ nhóm 5 | 0,66     | 0,31         | 0,87     | 0,42         | 1,96     | 0,97         |
| Tổng cộng | 215,67   | 100          | 207,17   | 100          | 204,02   | 100          |

*(Nguồn: Báo cáo tín dụng các năm của Chi nhánh)*

Qua bảng 2.10 ta có thể thấy nợ nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trên 90% trong tổng dư nợ. Nợ nhóm 1 năm 2011 chiếm tỷ trọng 94,83% tương đương 204,51 tỷ đồng, năm 2012 giảm còn 92,8% tương đương 192,25 tỷ đồng. Đến năm 2013 tiếp tục giảm 92,22% tương đương với 188,14 tỷ đồng. Qua thông tin ở bảng trên nợ nhóm 1 chiếm tỷ trọng cao nhưng đã xuất hiện nhóm nợ xấu tại ngân hàng.

Đi sâu vào nhóm nợ xấu tại Ngân hàng (nợ nhóm 3 đến nợ nhóm 5) ta có thể thấy nợ nhóm 3 và nợ nhóm 5 chiếm tỷ trọng khá cao ở năm 2013. Nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn) chiếm 1,05% tổng dư nợ tương ứng với 2,14 tỷ đồng tăng 43,62% so với năm 2012 và tăng 970% so với năm 2011. Cụ thể năm 2013 nợ nhóm 5 ở mức 1,96 tỷ đồng tương đương 0,97% cao nhất trong 3 năm. Điều đó nói lên các doanh nghiệp đang gặp khó trong hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến không đủ khả năng trả lãi theo đúng thời hạn của hợp đồng tín dụng, gây ra rủi ro hoạt động tín dụng tại ngân hàng. Nợ xấu xuất hiện ngân hàng phải trích lập dự phòng rủi ro lớn có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận nhưng có thể giảm được rủi ro cho hoạt động tín dụng



VID PUBLIC BANK HP đã duy trì tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu ở mức khá thấp trong các năm qua. Chi tiết như sau:

**Bảng 2.11: Tình hình nợ quá hạn của Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu         | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|------------------|----------|----------|----------|
| Tổng dư nợ       | 215,67   | 207,17   | 204,02   |
| Nợ quá hạn       | 8,5      | 10,52    | 9,71     |
| Tỷ lệ nợ quá hạn | 3,97%    | 5,08%    | 4,76%    |
| Nợ xấu           | 2,56     | 4,39     | 6,14     |
| Tỷ lệ nợ xấu     | 1,2      | 2,12%    | 3,02%    |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết các năm của Chi nhánh)*

Trong giai đoạn 2011 - 2013 VID PUBLIC BANK HP xuất hiện nợ xấu và có xu hướng tăng. Tại thời điểm 31/12/2013, tỷ lệ nợ quá hạn và xấu là 4,76% và 3,02% tương ứng. Tỷ lệ nợ xấu theo quy định ở mức dưới 3% được coi là an toàn nhưng tỷ lệ nợ xấu ở mức 3,02% tại chi nhánh là con số đang báo động cần phải có biện pháp xử lý tìm hiểu nguyên do dẫn đến tình trạng trên. Tỷ lệ nợ quá hạn ở năm 2013 giảm xuống còn 4,76% tuy nhiên ở năm 2012 ở mức 5,08% con số này khá cao ngân hàng chú ý đến điều này.

Nguyên nhân chính làm phát sinh nợ xấu và nợ quá hạn tại VID PUBLIC BANK HP bắt đầu từ năm 2011 là do suy thoái kinh tế thế giới cùng những khó khăn kinh tế trong nước đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và khả năng trả nợ của các doanh nghiệp, các cá nhân vay vốn ngân hàng nói riêng. Điều này chứng khả năng thu hồi vốn của ngân hàng ngày càng khó khăn, nguồn vốn của ngân hàng lúc này không phải là rủi ro thông thường nữa mà là nguy cơ mất vốn trắng. Tỷ lệ ngày càng tăng sẽ ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động tín dụng của ngân hàng ngày một xấu dẫn đến hoạt động

kinh doanh không được hiệu quả. Ngân hàng cần đưa ra các giải pháp khắc phục tình trạng nợ xấu.

**2.2.2.2 Trích lập và sử dụng dự phòng tín dụng**

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Giá trị khấu trừ của tài sản đảm bảo và tỷ lệ trích lập dự phòng đối với từng nhóm nợ được Ngân hàng Nhà nước quy định theo từng thời kì. Dựa trên những quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng VID Public – chi nhánh Hải Phòng có bảng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng như sau:

**Bảng 2.12: Bảng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Nhóm nợ                      | Tỷ lệ trích lập |       | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|------------------------------|-----------------|-------|----------|----------|----------|
|                              | DPCT            | DPC   |          |          |          |
| Tổng dư nợ                   |                 | 0,75% | 215,67   | 207,17   | 204,02   |
| Nợ nhóm 1                    | 0%              |       | 204,51   | 192,25   | 188,14   |
| Nợ nhóm 2                    | 5%              |       | 8,5      | 10,52    | 9,71     |
| Nợ nhóm 3                    | 20%             |       | 0,2      | 1,49     | 2,14     |
| Nợ nhóm 4                    | 50%             |       | 1,7      | 2,03     | 2,04     |
| Nợ nhóm 5                    | 100%            |       | 0,66     | 0,87     | 1,96     |
| Trích lập theo DPC           |                 |       | 1,61     | 1,55     | 1,52     |
| Trích lập theo DPCT          |                 |       | 1,97     | 2,07     | 3,89     |
| Tổng DPRR tín dụng trích lập |                 |       | 3,58     | 3,62     | 5,41     |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm của Chi nhánh)*

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập và hạch toán vào chi phí hoạt động để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với các khoản tín dụng của Ngân hàng. Dựa theo bảng phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, chi nhánh có tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng như sau:

**Bảng 2.13 Tỷ lệ trích lập rủi ro tín dụng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| Chỉ tiêu                      | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 |
|-------------------------------|----------|----------|----------|
| Dự phòng RRTD trích lập       | 3,58     | 3,62     | 5,41     |
| Dư nợ bình quân               | 311,3    | 211,42   | 205,59   |
| Tỷ lệ trích lập DPRR tín dụng | 1,15%    | 1,71%    | 2,6%     |

*(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm của Chi nhánh)*

Qua bảng số liệu trên ta thấy tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng giai đoạn 2011 – 2013 ngày càng tăng. Năm 2011, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng là 1,15%, năm 2012 là 1,71% và đến năm 2013 là 2,6% (tăng 1,45% so với năm 2011). Con số nói lên các năm trở lại đây Ngân hàng nhiều rủi ro về tín dụng làm cho chất lượng tín dụng giảm. Tuy nhiên, Ngân hàng VID Public Hải Phòng luôn chấp hành theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro theo phân loại nợ, trích lập dự phòng theo đúng số dư tín dụng đã cấp, không vì lợi nhuận cao trước mắt nên có thể phần nào hạn chế được rủi ro.

Trong hoạt động kinh doanh luôn tồn tại những rủi ro thường trực do vậy các Doanh nghiệp có thể gặp rủi ro bất cứ lúc nào và nó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và sẽ ảnh hưởng đến việc trả nợ của doanh nghiệp từ đó sẽ gây bất lợi cho Ngân hàng. Chính vì vậy Ngân hàng phải luôn theo dõi sát sao các khoản nợ và đưa ra được các giải pháp đúng đắn và kịp thời nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### **2.2.3 Mức độ sinh lời**

Mức độ đóng góp của hoạt động cho vay vào tổng nguồn thu của NHLĐ VID Public Hải Phòng cụ thể như sau:

**Bảng 2.14: Thu lãi từ hoạt động cho vay trong tổng doanh thu của Ngân hàng LD VID Public – CN Hải Phòng**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng (ngoại tệ đã quy đổi)*

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>              | <b>Năm 2011</b> | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2013</b> |
|-----------|------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1         | Tổng doanh thu               | 30,70           | 28,16           | 24,95           |
| 2         | Thu lãi từ hoạt động cho vay | 23,81           | 19,57           | 16,44           |
| 3         | Tỷ trọng (%)                 | 77,55           | 70              | 66              |

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của chi nhánh)*

Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động cho vay trong tổng doanh thu của VID PUBLIC BANK HP có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011 – 2013. Nếu như tỷ trọng này đạt 77,55% vào năm 2011 thì con số này đã giảm xuống còn 70% năm 2012 và đến năm 2013 giảm ở mức 45,86% tổng doanh thu của chi nhánh, Hoạt động cho vay là nguồn thu lãi chủ yếu của ngân hàng nhưng trong vài năm gần đây nhưng nó có xu hướng giảm nguyên nhân do nền kinh tế không ổn định, chính sách kinh tế bất hợp lý. Trong thời gian tới VID PUBLIC BANK HP cần phải nỗ lực hơn nữa để tăng cường huy động vốn cũng như đẩy mạnh hoạt động tín dụng song song với việc tăng trưởng các mảng dịch vụ khác tại chi nhánh.

### **2.3 Đánh giá chất lượng tín dụng của CN NHLD VID Public Hải Phòng**

#### **2.3.1 Kết quả đạt được**

Sau 18 năm hoạt động, VID PUBLIC BANK HP đã đạt được những thành tựu và thành công nhất định trong hoạt động tín dụng, cụ thể như sau:

- Dư nợ cho vay tại VID PUBLIC BANK HP 3 năm trở lại đây dư nợ cho vay có giảm nhưng chấp nhận được, góp phần đáp ứng nhu cầu về vốn vay của các doanh nghiệp, cá nhân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố Hải Phòng, của cả nước cũng như thúc đẩy hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh chung của bản thân CN NHLD VID Public Hải Phòng.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

- Công tác huy động vốn tại ngân hàng ở mức tăng trưởng tốt nhưng không được ổn định trong 3 năm gần đây. Năm 2012 nguồn vốn huy động đạt mức 236,4 tỷ đồng, tăng 13,2 tỷ tương đương với 6% so với năm 2011, đến năm 2013 nguồn vốn huy có giảm do ảnh hưởng nền kinh tế ngân hàng trích lập dự phòng rủi để kiểm soát chất lượng tín dụng tại chi nhánh.

- Hồ sơ, thủ tục cho vay đã dần dần được đơn giản hoá cùng với những cải tiến trong quy trình tín dụng nên ngày càng linh hoạt, rút ngắn thời gian giải quyết một hồ sơ vay vốn và tạo điều kiện thuận tiện cho việc vay vốn của khách hàng. Hiện nay, những hồ sơ vay vốn thuộc quyền phán quyết của CN được giải quyết trong vòng từ 1 đến 3 ngày nếu hồ sơ đó đáp ứng đủ điều kiện vay vốn của ngân hàng. Đối với các hồ sơ vay vốn CN phải trình lên Hội sở chính xét duyệt, thời gian xem xét phê duyệt cho vay khoảng từ 1 đến 2 tuần tùy theo tính chất khoản vay và hồ sơ vay vốn cụ thể khách hàng nộp cho ngân hàng.

- Phương thức cho vay đa dạng, linh hoạt về lãi suất và phương thức trả nợ thuận tiện, phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay của khách hàng như hình thức cho vay tín dụng luân chuyển, hạn mức tín dụng kết hợp, chiết khấu chứng từ, cho vay mua xe ô tô, cho vay tài trợ các dự án đầu tư, cho vay bảo đảm bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay... Vì vậy, doanh số cho vay, dư nợ tín dụng tăng trưởng được.

Có được những kết quả, những thành công trên đây chủ yếu là do VID PUBLIC BANK HP đã có những định hướng, quan điểm, chính sách tín dụng đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành ngân hàng, của thành phố Hải Phòng và của đất nước, phù hợp với đặc điểm, với khả năng và các điều kiện thực tế của ngân hàng song song với việc chú trọng và không ngừng nâng cao chất lượng các khoản tín dụng, đảm bảo phòng ngừa và hạn chế tối đa nợ quá hạn, nợ xấu phát sinh cũng như triển khai thực hiện công tác thu hồi nợ vay hiệu quả. Một nguyên nhân cũng rất quan trọng đóng góp vào những kết quả, thành tích kể trên là nỗ lực làm việc hết mình, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần phấn đấu và phục vụ khách hàng chu đáo của toàn thể đội ngũ cán bộ, nhân viên của chi nhánh.

Tuy nhiên, những kết quả trên vẫn chưa tương xứng với bề dày thời gian 18 năm hoạt động trên địa bàn Hải Phòng và tiềm năng của CN NHLĐ VID Public Hải Phòng. Hoạt động tín dụng, chất lượng tín dụng của CN vẫn còn một số hạn chế cần phải khắc phục để có thể phát huy tốt nhất tiềm năng, làm cho chất lượng tín dụng được nâng cao hơn nữa, làm cho hoạt động kinh doanh của VID PUBLIC BANK HP ngày càng phát triển hiệu quả và bền vững.

### **2.3.2 Hạn chế về chất lượng tín dụng tại VID Public Bank HP**

#### **2.3.2.1 Dư nợ cho vay ,chất lượng cán bộ tín dụng chưa tốt**

Mặc dù được thành lập từ khá sớm nhưng quy mô tín dụng của CN VID Public Hải Phòng đến nay vẫn còn rất nhỏ. Tổng dư nợ cho vay của VID PUBLIC BANK HP cho đến nay vẫn còn rất khiêm tốn ( năm 2012, 2014 tương ứng 52,4% và 53% trên tổng tài sản)

Trong hệ thống Ngân hàng LD VID Public, Hải Phòng là chi nhánh thành lập thứ 4, song nhiều chi nhánh khác của VID Public Bank thành lập sau rất nhiều năm nhưng dư nợ tín dụng đến nay đã vượt khá xa chi nhánh Hải Phòng. Từ đó có thể đáng giá VID PUBLIC BANK HP là một trong các chi nhánh có tăng trưởng dư nợ tín dụng chậm trong hệ thống VID Public Bank.

Trình độ của cán bộ chuyên môn còn nhiều thiếu thốn: tuy có trình độ đại học, có sự năng động, nhiệt tình nhưng còn thiếu về kinh nghiệm không lường trước được hết các rủi ro trong hoạt động tín dụng tại thời điểm nền kinh tế có nhiều bất ổn định. Các khâu kiểm soát kiểm tra nội bộ vẫn chưa đúng mức vẫn còn phụ thuộc vào Hội sở chính.

#### **2.3.2.2 Cơ cấu nợ chưa hợp lý**

- **Cơ cấu cho vay bằng nội tệ và ngoại tệ chưa cân đối:** Qua bảng 2.7 ta thấy, tỷ trọng cho vay bằng nội tệ vẫn chiếm gần như tuyệt đối, luôn ở mức trên 80% trong giai đoạn 2011 - 2013 trong khi tỷ trọng tiền gửi bằng ngoại tệ của CN tại các thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013 lần lượt là 13% và 12%. Ngân hàng cần phải điều chỉnh phù hợp nâng cao tỉ trọng cho vay bằng ngoại tệ vì với ưu thế là ngân hàng liên doanh, ngân hàng có khả năng điều kiện thu hút người ngoại tệ

### **- Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu đang có xu hướng tăng cao**

Trong suốt thời gian 2011 - 2013 VID PUBLIC BANK HP thông qua việc đánh giá tình hình các khoản nợ quá hạn và nợ xấu tại ngân hàng, nhận thấy các khoản nợ có chiều hướng tăng dần qua các năm. Từ năm 2011 đến nay, nợ xấu có xu hướng gia tăng trong thời gian vừa qua tại CN NHLĐ VID Public Hải Phòng. Mặc dù các tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu của VID PUBLIC BANK HP ở mức trung bình so với các chi nhánh trong cùng hệ thống ngân hàng VID Public, so với nhiều ngân hàng khác trên cùng địa bàn và trong ngưỡng cần chú ý, nhưng đây cũng là dấu hiệu cảnh báo chất lượng tín dụng của VID PUBLIC BANK HP bắt đầu có những vấn đề bất ổn. Việc tập trung quá nhiều vào đẩy mạnh dư nợ tín dụng trong khi đó nhiều khi công tác thẩm định cũng như công tác kiểm tra, giám sát sau phát vay của VID PUBLIC BANK HP còn đôi lúc chưa được thực sự sát sao, chặt chẽ làm cho hoạt động tín dụng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể gây nên nhiều nợ quá hạn, nợ xấu và có thể mất vốn cho CN NHLĐ VID Public Hải Phòng.

### **2.3.3 Nguyên nhân của hạn chế**

#### **2.3.3.1 Nguyên nhân chủ quan**

##### **- Công tác thẩm định còn chưa thực sự tốt**

Cán bộ tín dụng của VID PUBLIC BANK HP phải thực hiện khá nhiều phần việc, nhiều nghiệp vụ liên quan đến tín dụng nên khó tránh khỏi yếu kém, hạn chế ở một số chuyên môn nhất định. Bên cạnh đó, cho đến nay VID PUBLIC BANK HP hầu như chưa có sự thẩm định chéo dưới hình thức nhiều người cùng đề xuất cấp tín dụng hoặc Ban xét duyệt tín dụng, dẫn đến việc công tác thẩm định đề xuất cấp tín dụng hầu như chỉ đứng trên quan điểm chủ quan của cán bộ tín dụng phụ trách khoản vay, điều này gây ra rủi ro cho hoạt động tín dụng và chất lượng tín dụng sẽ bị giảm sút.

1.1 Mặt khác, trong nhiều trường hợp VID PUBLIC BANK HP vẫn có những hạn chế trong việc thu thập và phân tích thông tin về khách hàng. Thông tin mà ngân hàng ngân hàng có được chủ yếu là nguồn thông tin do khách hàng cung cấp và hạn chế về nhân sự qua công tác kiểm tra phân tích thông tin khách hàng một cách xác thực. Vì thế, công tác thẩm định trong các trường hợp sẽ thiếu yếu

tổ khách quan, chính xác sẽ tạo nhiều cơ sở có thể mang đến những rủi ro. Vì vậy ngân hàng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động tín dụng gặp phải khách hàng cá nhân lẫn doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, xuất hiện tình trạng nợ quá hạn thậm chí dẫn đến nợ xấu gây rất nhiều khó khăn vướng mắc cho ngân hàng. Hoặc tình trạng do dự thể quyết định cấp tín dụng cho khách hàng vay vì thiếu thông tin làm cơ sở cho việc ra quyết định, làm mất cơ hội cho vay đến với nhiều khách hàng tiềm năng.

### **- Công tác kiểm tra, kiểm soát còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo**

Hiện nay Ngân hàng LD VID Public chỉ có bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ tập trung ở Hội sở. Tuy nhiên, việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng chưa thực sự sâu sát vì tần suất kiểm tra còn thấp (khoảng 2 năm mới kiểm tra 1 lần), thời gian mỗi lần kiểm tra còn ít (2 - 3 người kiểm tra trong 2 tuần cho tất cả các nghiệp vụ và hồ sơ liên quan của chi nhánh). Chính vì vậy, việc phát hiện những sai sót trong quy trình tín dụng, trong các nghiệp vụ cụ thể, trong các hồ sơ tín dụng để có những chấn chỉnh, điều chỉnh, sửa chữa và khắc phục còn chưa kịp thời và đầy đủ. Công tác giám sát tín dụng, đặc biệt là giám sát sau khi giải ngân của VID PUBLIC BANK HP còn chưa được thực hiện nhiều. Việc xem xét, đánh giá lại các khoản vay định kỳ dù được thực hiện nhưng vẫn còn mang tính hình thức nhiều. Có thể nói rằng khâu kiểm tra, kiểm soát nói chung và của mảng tín dụng nói riêng của VID PUBLIC BANK HP vẫn chưa được thực hiện đúng mức, vẫn chưa có cán bộ chuyên làm công tác kiểm tra, kiểm soát và giám sát tín dụng nên các món vay còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của ngân hàng.

### **- Số lượng cán bộ còn ít, năng lực cán bộ ngân hàng còn hạn chế**

Hiện nay rất nhiều các NHTM thực hiện việc chuyên môn hóa sâu trong các hoạt động tín dụng của họ bằng việc phân tách ra các khâu như bộ phận thẩm định tài sản, bộ phận tín dụng, bộ phận pháp lý chứng từ, bộ phận quản lý rủi ro, bộ phận đôn đốc và thu hồi công nợ,... Việc phân tách như vậy có tác dụng làm cho chuyên môn nghiệp vụ của từng bộ phận là rất sâu, rất vững và hạn chế tối đa các rủi ro tín dụng do không nắm vững nghiệp vụ, do đánh giá chủ quan hoặc rủi ro đạo đức. Tuy nhiên, là một NHLĐ nên yêu cầu công việc đối với các nhân viên và cán bộ tín dụng của Ngân hàng LD VID Public nói



chung và phòng tín dụng của VID PUBLIC BANK HP nói riêng là khá cao, các cán bộ và nhân viên tín dụng phải có khả năng và thực hiện toàn bộ các khâu công việc liên quan đến tín dụng như kể trên. Ngân hàng LD VID Public đòi hỏi người cán bộ tín dụng không những giỏi về nghiệp vụ tín dụng mà còn phải am hiểu về nhiều lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh mà ngân hàng cho vay, cập nhật thường xuyên các thông tin kinh tế trong nước, ngoài nước và phải nắm vững, các quy định của của các cơ quan quản lý Nhà nước để có thể phân tích, tổng hợp, đánh giá và tham mưu cho lãnh đạo VID PUBLIC BANK HP trong các quyết định cấp tín dụng một cách đúng đắn và hiệu quả nhất. Có thể nói đây là yêu cầu rất khó, yêu cầu mỗi cán bộ tín dụng phải thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nắm bắt và cập nhật các kiến thức, các thông tin có liên quan đến hoạt động cho vay

Hiện tại VID PUBLIC BANK HP chỉ có 7 cán bộ tín dụng trong khi Hội sở chính duyệt chỉ tiêu cán bộ tín dụng của CN là 10 người. Mặt khác, trong những năm gần đây VID PUBLIC BANK HP đẩy mạnh cấp tín dụng và có một số cán bộ tín dụng chuyển công tác sang các đơn vị khác nên chi nhánh phải tuyển thêm nhiều cán bộ tín dụng mới. Đa phần các nhân viên tín dụng mới tuyển còn rất trẻ nên trình độ cũng như kinh nghiệm thực tế của họ còn hạn chế. Mặc dù tất cả nhân viên, cán bộ tín dụng đều có trình độ đại học trở lên nhưng người có thâm niên lâu nhất mới là 7 năm, đa phần số còn lại thời gian công tác chỉ từ 1 đến 3 năm. Vì vậy, phần lớn cán bộ tín dụng còn thiếu kinh nghiệm công tác nên cũng ảnh hưởng đến đến tăng trưởng và chất lượng tín dụng của CN NHLD VID Public Hải Phòng. Với khối lượng công việc khá nhiều và yêu cầu phải hoàn thành nhiệm vụ vừa đảm bảo tăng trưởng dư nợ tín dụng theo chỉ tiêu Hội sở giao cho gặp phải sai sót như bỏ sót các khâu cấp tín dụng nhằm đẩy nhanh tiến độ đạt chỉ tiêu được giao, k tránh khỏi tình trạng nợ quá hạn, xảy ra khiến chất lượng tín dụng của Chi nhánh không được tốt. Qua đó nó là thiếu sót của Chi nhánh cần phải được khắc phục kịp thời.

### ***2.3.3.1 Nguyên nhân khách quan***

### **- Một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ**

Trong nghiệp vụ tín dụng ngân hàng, khung pháp lý được đánh giá là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng và cũng là một trong những yếu tố có khả năng gây rủi ro cho hoạt động ngân hàng xuất phát từ các quyền đối với tài sản và luật pháp về hợp đồng không rõ ràng, không có khả năng thực thi trên thực tế, không đảm bảo được khả năng thực thi các cam kết và nắm giữ tài sản trên thực tế. Do đó, việc xây dựng khung pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, rõ ràng và đảm bảo khả năng “cưỡng chế” thu hồi nợ cho các TCTD rất cần thiết. Mặt khác, nước ta cần phải khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật để phù hợp với xu thế và bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng ở nước ta đến nay còn nhiều chỗ chưa đồng bộ và đầy đủ, tính ổn định thấp, còn nhiều điểm chông chéo, thiếu rõ ràng. Số lượng các văn bản pháp luật thì nhiều nhưng các quy định pháp luật, các văn bản pháp quy thường xuyên thay đổi cũng như hiệu lực thực thi của nhiều văn bản pháp quy tương đối thấp đã gây tác động không tốt tới hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng của ngân hàng nói riêng.

### **- Cải cách hành chính còn chậm chạp**

Mặc dù nước ta đang đẩy mạnh việc cải cách hành chính nhưng công cuộc này đang diễn ra rất chậm, thiếu đồng bộ nên gây không ít khó khăn cho các khách hàng và ngân hàng khi cần sự hỗ trợ hoặc thực hiện các giao dịch với các cơ quan quản lý nhà nước. Đặc biệt, với những lĩnh vực, những vấn đề phải phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương, các vấn đề liên ngành, liên lĩnh vực thì việc xử lý rất chậm và kém hiệu quả. Theo quy định trong toàn hệ thống, VID PUBLIC BANK HP chỉ nhận thế chấp bất động sản đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và/hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Theo Luật Đất đai 2003 thì từ tháng 1/2007, cơ quan công chứng chỉ thực hiện chứng thực các giao dịch liên quan đến bất động sản đối với những tài sản đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó, tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói riêng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn

liên với đất nói chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng và cả các tỉnh khác ở miền Bắc trong thời gian qua còn rất chậm. Đặc biệt là việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp trong các khu chế xuất và khu công nghiệp ở Hải Phòng và các tỉnh phía Bắc (bao gồm cả Hà Nội) vẫn còn rất chậm. Trong khi đó, các tỉnh ở miền Đông Nam Bộ như TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước,... việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất khá đơn giản và nhanh chóng. Điều này gây khó khăn cho các doanh nghiệp vì họ không thể dùng quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để thế chấp cho các TCTD để vay vốn đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

### **- Ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trên phạm vi toàn cầu.**

Trong giai đoạn 2011 - 2013, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của nước ta như giảm nhu cầu hàng hóa từ Việt Nam, giảm nhu cầu vay vốn ngân hàng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc mở rộng và phát triển tín dụng của các NHTM nói chung và của VID PUBLIC BANK HP nói riêng. Khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới và những khó khăn của kinh tế trong nước đã làm cho giá cả các yếu tố chi phí đầu vào của sản xuất tăng lên trong đó có lãi suất vay vốn tăng rất cao khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp càng trở nên khó khăn hơn, hàng hóa khó tiêu thụ, thậm chí nhiều doanh nghiệp thua lỗ nặng, dẫn đến tình trạng có rất nhiều khách hàng tín dụng không có đủ khả năng trả nợ cho ngân hàng, điều này làm cho nợ quá hạn và nợ xấu có xu hướng tăng, chất lượng tín dụng của ngân hàng bị ảnh hưởng.

### **- Cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực ngân hàng - tài chính**

Hải Phòng là thành phố lớn, là một trung tâm kinh tế thương mại của cả nước nên sự cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng tài chính ngày càng gay gắt với 51 CN ngân NHTM và 173 phòng giao dịch. VID PUBLIC BANK HP kém cạnh tranh hơn so với các NHTM quốc doanh về mặt lãi suất vì các ngân hàng này thường có ưu thế về vốn, quy mô, nhiều khách hàng truyền thống và có ưu thế về lãi suất, sự hỗ trợ từ Chính phủ.

### **- Thông tin mà khách hàng cung cấp không đầy đủ, chính xác**

Hiện nay đa số các khách hàng doanh nghiệp hay các hộ kinh doanh cá thể không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kế toán thống kê, kiểm toán và tìm mọi cách để giảm tối đa số thuế phải nộp cho nhà nước. Vì vậy, các số liệu trong các báo cáo thuế, báo cáo tài chính của họ không phản ánh hết và chính xác thực trạng tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của họ. Mỗi khi có nhu cầu vay vốn họ lập phương án sản xuất kinh doanh thường rất sơ sài, thiếu nhiều thông tin cơ bản nên ít có cơ sở để ngân hàng đánh giá tính khả thi và hiệu quả của dự án vay vốn. Do vậy, trong nhiều trường hợp VID PUBLIC BANK HP phải xử lý hồ sơ, thẩm định mất rất nhiều thời gian mới quyết định cấp tín dụng được. Nhiều khách hàng tín dụng còn ngụy tạo báo cáo tài chính sai lệch không đúng với thực tế, ngụy tạo hồ sơ để đạt mục tiêu vay được tiền vốn của ngân hàng. Chính những điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thẩm định của ngân hàng, dẫn đến đánh giá sai lệch về khách hàng vay, làm giảm chất lượng tín dụng.

### **- Ý thức trả nợ của khách hàng còn kém**

Ý thức trả nợ của khách hàng là một trong những yếu tố mang tính quyết định khi xem xét cho vay đối với khách hàng, nó đặc biệt có ý nghĩa khi ngân hàng buộc phải thu hồi và xử lý nợ quá hạn. Trong thực tế hoạt động của VID PUBLIC BANK HP đã có rất nhiều khách hàng tín dụng rất thiếu ý thức, kém hiểu biết về pháp luật nên đã chây lỳ không trả nợ cho chi nhánh, để nợ quá hạn kéo dài nhiều năm trời. Trường hợp điển hình của dạng này là Công ty TNHH, khách hàng này luôn hứa hẹn trả nợ, lảng tránh khi ngân hàng đến đòi nợ. Kể cả khi VID PUBLIC BANK HP mời văn phòng luật sư can thiệp để tăng tiến độ xử lý và thu hồi khoản vay này thì khách hàng này vẫn không thiện chí hợp tác với luật sư và ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc xử lý TSBĐ để thu hồi nợ vay cho ngân hàng. Một số khách hàng của VID PUBLIC BANK HP hoàn toàn có khả năng tài chính và nguồn trả nhưng vẫn cố tình chây lỳ, khất lãn và không thiện chí trả nợ khiến công tác thu hồi nợ của VID PUBLIC BANK HP gặp rất nhiều khó khăn.

### **- Nguyên nhân từ chính sách tín dụng và quy trình tín dụng của Ngân hàng LD VID Public**

Trước năm 2006, quan điểm, chính sách tín dụng của toàn hệ thống Ngân hàng liên doanh VID Public là hết sức thận trọng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng liên doanh giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Public Bank Berhad thì phía Public Bank Berhad nắm quyền điều hành các hoạt động của ngân hàng với Tổng giám đốc từ khi thành lập đến nay luôn là người Malaysia. Vì vậy, do ảnh hưởng bởi chính sách cho vay rất thận trọng của ngân hàng mẹ bên Malaysia và chưa thực sự quen với các đặc thù, các điều kiện của nền kinh tế Việt Nam trong điều kiện môi trường kinh tế cũng như môi trường pháp luật ở Việt Nam còn chưa ổn định, thiếu đồng bộ và còn nhiều bất cập nên Hội sở chính và tất cả các CN của VID PUBLIC BANK hầu như chưa chú trọng và quan tâm đúng mức đến các hoạt động tín dụng, không chủ động tiếp cận và đẩy mạnh các hoạt động tín dụng đối với khách hàng.

Trong thời gian đầu, quyền phê duyệt cho vay của CN còn rất thấp (chỉ tối đa là 50.000 USD) nên rất nhiều khoản vay phải trình lên Hội sở chính, thậm chí có những khoản vay giá trị không lớn tại thời điểm đó nhưng phải trình sang cả hai ngân hàng mẹ là Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam và Public Bank Berhad của Malaysia để phê duyệt cho vay.

Các điều kiện cho vay cũng rất khắt khe đối với các khách hàng vay vốn, đặc biệt là yêu cầu về tài sản bảo đảm cho khoản vay. Về mặt lý thuyết thì các biện pháp bảo đảm tiền vay chỉ là biện pháp phòng ngừa, để hạn chế, khắc phục tổn thất một khi các rủi ro tín dụng phát sinh và các khách hàng không có khả năng trả nợ và không muốn trả nợ cho ngân hàng. Trong khi đó, các yếu tố quan trọng mang tính quyết định khi xem xét, quyết định cho vay hay không phải là khả năng trả nợ của khách hàng, là tính khả thi của dự án vay vốn và ý thức thực hiện nghĩa vụ tài chính của khách hàng vay vốn, TSBĐ chỉ là điều kiện bổ sung để ràng buộc và tăng trách nhiệm của khách hàng với khoản vay ngân hàng. Tuy nhiên, trong các năm đầu triển khai hoạt động tín dụng, khi xem xét và đánh giá hồ sơ vay vốn của khách hàng thì Ngân hàng LD VID Public đã quá coi trọng tài sản đảm bảo nhất là đối với các khách hàng lần đầu tiên có quan hệ vay vốn với ngân hàng. Căn cứ theo định hướng của cấp trên, VID PUBLIC BANK HP

thông thường chỉ chấp nhận TSBĐ là bất động sản, nhà xưởng với đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, hạn chế nhận máy móc thiết bị làm TSBĐ. Cho đến nay, VID PUBLIC BANK HP không nhận TSBĐ là các máy móc thiết bị đã quá 5 năm kể từ ngày xuất xưởng và vẫn chưa có trường hợp cho vay nào mà bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển hoặc quyền đòi nợ. Việc quy định khắt khe đối với TSBĐ tiền vay như vậy đã khiến cho VID PUBLIC BANK HP mất khá nhiều cơ hội cho vay đối với các khách hàng có năng lực và tiềm năng thực sự, có khả năng kinh doanh hiệu quả chỉ vì họ không có đủ TSBĐ theo yêu cầu cho món vay.

Chính vì các lý do trên đã khiến cho trong nhiều trường hợp VID PUBLIC BANK HP đã bỏ qua rất nhiều khách hàng có tiềm năng thực sự và hoạt động tín dụng của VID PUBLIC BANK HP phát triển còn chậm chạp trong nhiều năm.

### **- Mạng lưới chi nhánh của VID Public Bank còn nhỏ hẹp**

Sau gần 18 năm hoạt động, đến nay toàn hệ thống VID Public Bank mới có 8 chi nhánh, chưa có phòng giao dịch nào. Đây là con số rất thấp so với các NHTM khác. Tại Hải Phòng, Ngân hàng LD VID Public cũng chỉ có một địa chỉ giao dịch duy nhất tại số Số 22, Khu B1, Lô 7B, Lê Hồng Phong. Trong khi đó các NHTM khác đã mở nhiều chi nhánh và phòng giao dịch trên các tuyến đường phố chính, các khu vực tập trung nhiều doanh nghiệp hoạt động, các khu đông dân cư, các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, các siêu thị, các trung tâm thương mại nhằm quảng bá thương hiệu, thu hút khách hàng thông qua sự tiện lợi, tiết kiệm, gần gũi khách hàng.

Quy mô mạng lưới hoạt động của VID PUBLIC BANK HP nói riêng và của cả hệ thống VID Public Bank nói chung còn rất nhỏ bé, thương hiệu chưa được quảng bá rộng rãi, ít các dịch vụ và tiện ích nên đã khiến cho một bộ phận khá lớn doanh nghiệp và người dân tại Hải Phòng vẫn chưa biết đến ngân hàng, thậm chí nhầm lẫn với một số NHTM khác như VP Bank, VIBank,.. hoặc có biết đến nhưng cũng còn dè dặt hoặc không thực sự muốn đặt quan hệ tín dụng với chi nhánh vì cho rằng năng lực tài chính của ngân hàng có khả năng chỉ ở mức trung bình thấp nên mới không có nhiều chi nhánh (cũng đồng nghĩa với

việc khó vay vốn, mức vay thấp, lãi suất cao,...). Ít địa điểm giao dịch chắc chắn sẽ không thuận tiện cho các giao dịch của khách hàng, đặc biệt là các khách hàng doanh nghiệp có bàn hàng ở nhiều tỉnh và thành phố thì họ và khách hàng của họ thường giao dịch với ngân hàng cùng hệ thống thì sẽ nhanh chóng và tiết kiệm phí giao dịch hơn.

Như đã nêu ở trên, chúng ta có thể thấy rằng có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng tại CN NHLD VID Public Hải Phòng.

### **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG LD VID PUBLIC – CN HẢI PHÒNG**

#### **3.1 Định hướng của Ngân hàng LD VID PUBLIC – Chi nhánh Hải Phòng đối với vấn đề chất lượng tín dụng**

##### ***3.1.1 Định hướng chung của Hội sở***

Định hướng phát triển của Ngân hàng LD VID Public trong thời gian sắp tới là trở thành NHLĐ hàng đầu tại Việt Nam với thị phần tăng trưởng cao. Ngân hàng LD VID Public sẽ tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ ngân hàng một cách chuyên nghiệp và hiệu quả cho khách hàng cá nhân cũng như cho giới doanh nghiệp ở Việt Nam và không ngừng phấn đấu để VID Public Bank luôn là địa chỉ tin cậy mang đến những dịch vụ tốt nhất và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng.

Trong lĩnh vực tín dụng nói riêng, Ngân hàng LD VID Public sẽ tiếp tục đẩy mạnh tập trung cho vay tiêu dùng và cho vay thương mại đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời tiếp tục duy trì chính sách cho vay thận trọng nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng tín dụng và tình hình tài chính lành mạnh. Việc nâng cao chất lượng tín dụng thông qua việc tăng cường cho vay tiêu dùng và cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ cấu cho vay hợp lý, phòng ngừa, hạn chế và khắc phục hiệu quả các rủi ro tín dụng để không chỉ làm giảm tối đa nợ xấu phát sinh, mở rộng thị phần, làm tăng thu nhập từ lãi vay và tăng thu nhập phi tín dụng, tạo nguồn thu ổn định mà còn đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nhu cầu vay vốn cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế và các nhu cầu phục vụ đời sống dân sinh.

##### ***3.1.2 Định hướng phát triển của CN NHLĐ VID PUBLIC Hải Phòng***

Căn cứ vào định hướng chung của Ngân hàng LD VID Public, nghiên cứu thực tế thị trường Hải Phòng và thực lực của mình, VID PUBLIC BANK HP xác định định hướng phát triển của mình cụ thể như sau:

- Tăng quy mô hoạt động tín dụng thông qua tập trung hướng tới khách hàng vừa và nhỏ trên địa bàn Hải Phòng; tập trung vào các ngành thế mạnh của Hải Phòng là cảng biển, vận tải, công nghiệp thép, công nghiệp sản xuất xi



mãng, xây dựng dân dụng và công nghiệp, du lịch... và các ngành dịch vụ cảng biển khác.

- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phục vụ tốt nhất các khách hàng truyền thống của chi nhánh, khai thác tối đa nhu cầu tín dụng và các dịch vụ khác của nhóm khách hàng này.

- Tăng cường cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các tỉnh lân cận mà Ngân hàng LD VID Public chưa có điểm giao dịch như Hải Dương, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh.

- Chú trọng hơn đến các khách hàng cá nhân, nâng tỷ trọng dư nợ cho vay cá nhân lên.

- Tập trung xử lý các khoản nợ xấu của CN NHLĐ VID Public Hải Phòng.

### **3.2 Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public – Chi nhánh Hải Phòng**

#### **3.2.1 Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng**

Theo quy trình tín dụng tại VID Public Hải Phòng, hồ sơ cho vay trước khi trình lãnh đạo ký duyệt cần phải được kiểm tra, xem xét, chính xác và khách quan từ bước lập hồ sơ, phân tích năng lực điều hành quản lý, giá trị tài sản thế chấp, biện pháp thu hồi nợ. Do vậy nếu để cho một phòng Tín dụng đảm nhiệm tất cả các khâu như hiện nay thì không tránh khỏi những sai sót do trình độ nghiệp vụ, yếu tố chủ quan kinh nghiệm của mỗi cán bộ tín dụng là khác nhau. Vì vậy, phòng Tín dụng và phòng dịch Giao dịch nên chia làm 2 bộ phận:

-Bộ phận quản lý khách hàng

Bộ phận quản lý khách hàng có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng làm thủ tục và đăng ký cho vay vốn; tiếp nhận các hồ sơ vay vốn của KH; phân loại hồ sơ..

-Bộ phận thẩm định

Bộ phận thẩm định tín dụng có nhiệm vụ phân tích, xem xét dự án vay vốn về mọi mặt, phân tích khả năng trả nợ của KH. Bộ phận này có thể đến các

DN để nắm tình hình thực tế và kiểm tra tài sản thế chấp, cầm cố khi thẩm định dự án; căn cứ vào ý kiến đề xuất của bộ phận quản lý DN để đưa ra các phương án xử lý các vụ việc liên quan đến vốn vay.

Hai bộ phận này cần có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng vì nếu như một công đoạn nào đó không đúng quy định sẽ ảnh hưởng đến công đoạn sau và kết quả của toàn bộ công việc.-Bộ phận thẩm định: Thực hiện phân tích đánh giá rủi ro trước khi đề xuất lãnh đạo phê duyệt khoản vay.

### **3.2.2 Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát**

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát một cách thường xuyên sẽ có tác dụng to lớn trong việc phòng ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra, khắc phục tốt nhất hậu quả xấu có thể gây ra, bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng nói riêng và toàn bộ hoạt động của ngân hàng nói chung. Vì vậy, VID PUBLIC BANK HP rất nên thực hiện ngay các biện pháp sau:

- Mặc dù khối lượng công việc là khá nhiều nhưng VID PUBLIC BANK HP rất cần thiết phải thực hiện thường xuyên và nghiêm túc việc theo dõi, giám sát việc sử dụng vốn vay của khách hàng một cách chặt chẽ để đảm bảo rằng họ không sử dụng vốn đó sai mục đích như quy định trong hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp phát hiện người vay sử dụng tiền vay không đúng mục đích hoặc có nguy cơ rủi ro cao, VID PUBLIC BANK HP nên yêu cầu thu hồi toàn bộ nợ vay trước hạn. Công tác giám sát tín dụng, kiểm tra thường xuyên sẽ giúp cho VID PUBLIC BANK HP thường xuyên cập nhật các thông tin tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, hiểu rõ những thuận lợi và khó khăn mà khách hàng đang gặp phải, từ đó có thể tư vấn hoặc có những hỗ trợ hoặc phối hợp cần thiết để đáp ứng thêm nhu cầu vay vốn của khách hàng hoặc các biện pháp giải quyết, xử lý các khó khăn phát sinh một cách thuận lợi nhất cho cả 2 bên, đảm bảo an toàn tín dụng và hiệu quả hoạt động tín dụng.

- Công tác định kỳ xem xét đánh giá lại khoản vay của VID PUBLIC BANK HP cần phải thực hiện nghiêm túc, chi tiết và kỹ lưỡng hơn. Làm được như vậy, VID PUBLIC BANK HP có thể kịp thời nắm bắt tình hình của khách hàng, kiểm tra đánh giá lại tài sản đảm bảo, phát hiện kịp thời các bất lợi và đưa ra những điều chỉnh cần thiết để hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra

cũng như đáp ứng kịp thời các nhu cầu phát sinh của khách hàng tín dụng đủ điều kiện.

- Đối với vấn đề kiểm soát nội bộ, VID PUBLIC BANK HP cũng không nên hoàn toàn trông chờ vào các đợt kiểm tra của Hội sở chính mà nên chủ động bố trí thường xuyên hoặc định kỳ kiểm tra chéo, rà soát lại toàn bộ các hồ sơ tín dụng, các chứng từ liên quan, việc tuân thủ quy trình tín dụng, các quy định của pháp luật cũng như những hướng dẫn còn hiệu lực của Hội sở chính nhằm kịp thời phát hiện, sửa chữa và khắc phục những sai sót.

### ***3.2.3 Chú trọng tới công tác đào tạo cán bộ tín dụng***

Việc tăng cường chất lượng nhân sự tín dụng tại VID PUBLIC BANK HP cần tập trung vào một số nội dung sau:

- Thực hiện việc tuyển chọn cán bộ tín dụng phải được tiến hành hết sức cẩn thận, kỹ lưỡng, khách quan. Việc bổ nhiệm, bố trí các chức danh liên quan đến công tác tín dụng phải thực sự khách quan, đảm bảo lựa chọn người có đủ năng lực và phẩm chất thực sự, phù hợp với yêu cầu công việc.

- VID PUBLIC BANK HP cần chủ động và thường xuyên hơn trong việc tự tổ chức đào tạo các cán bộ tín dụng mà không nhất thiết phải bị động, trông chờ vào Hội sở chính tổ chức. VID PUBLIC BANK HP nên tổ chức những khoá đào tạo cho cán bộ tín dụng như phân tích đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngân hàng và hoạt động tín dụng ngân hàng, các nghiệp vụ liên quan đến tín dụng như phân tích tài chính doanh nghiệp, kinh tế đầu tư,... từ đó giúp cho cán bộ tín dụng hiểu biết sâu, rộng hơn về lĩnh vực hoạt động của mình. Việc đào tạo cán bộ tín dụng nên chú trọng và tập trung nhiều hơn vào các kiến thức, kỹ năng thực tế công việc thông qua việc tổ chức nhiều hơn các buổi tự đào tạo dưới hình thức hội thảo chuyên đề hoặc mời các chuyên gia về trao đổi tại CN nhằm phổ biến những kinh nghiệm thiết thực trong hoạt động tín dụng thường ngày đồng thời sẽ làm rõ hơn các vấn đề pháp lý, các vấn đề nghiệp vụ liên quan và phát sinh nhằm vận dụng nhanh chóng và hiệu quả vào hoạt động tín dụng của CN NHLD VID Public Hải Phòng.

- Chính sách đãi ngộ thỏa đáng: Theo tính chất phức tạp và mức độ yêu cầu cao của công việc tín dụng, thông thường thì lương của bộ phận tín dụng bao giờ cũng cao hơn lương của vị trí tương đương ở các bộ phận khác trong các NHTM. Tuy nhiên, theo quy định của VID Public Bank hiện nay, lương khởi điểm của cán bộ tín dụng vẫn chỉ ngang bằng như các vị trí tương đương của các bộ phận khác. Vì vậy, VID PUBLIC BANK HP nên có các biện pháp điều chỉnh lương và thưởng nhiều hơn nữa trong các đợt đánh giá nhân viên hàng năm, các mức khen thưởng nên được phân biệt rõ ràng và có khoảng cách cần thiết để thực sự khuyến khích đội ngũ cán bộ tín dụng nâng cao trách nhiệm, luôn phấn đấu hết mình trong công việc, phát huy hơn nữa khả năng của đội ngũ cán bộ tín dụng, hạn chế tối đa những rủi ro tín dụng có thể phát sinh. Việc tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và mức lương xứng đáng chắc chắn sẽ giúp VID PUBLIC BANK HP thu hút và xây dựng được một đội ngũ cán bộ tín dụng có trình độ cao, có kiến thức nghiệp vụ vững vàng, tư cách đạo đức tốt.

- Thực hiện việc thưởng, phạt nghiêm minh và kịp thời: VID PUBLIC BANK HP cần có chế độ khen thưởng và động viên kịp thời, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp và thăng tiến cho những cán bộ tín dụng có thành tích và công tác tốt. Bên cạnh đó ngân hàng cũng cần có các quy định nhằm quy định rõ trách nhiệm của cán bộ tín dụng để đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng như cảnh cáo, phạt, bồi thường thiệt hại hay có thể đình chỉ công tác, điều chuyển công tác sang các vị trí thích hợp khác khi không đáp ứng được yêu cầu công việc.

### **3.2.4 Giải pháp xử lý nợ xấu**

-Để việc xử lý nợ xấu đạt hiệu quả cao thì việc phát hiện nợ xấu phát sinh là rất quan trọng, quyết định trực tiếp đến quá trình xử lý nợ sau này. Thường xuyên kiểm tra, phân tích, đánh giá thực trạng nguyên nhân phát sinh nợ xấu, làm rõ trách nhiệm của cá nhân có liên quan nhất là ở những cá nhân phụ trách có tỷ lệ nợ xấu tăng nhanh, gắn trách nhiệm thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro với trách nhiệm cá nhân trong cho vay. Căn cứ vào chỉ tiêu ngân hàng phải xây dựng được phương án thu nợ quá hạn đến từng cán bộ tín dụng.

-Đối với khoản nợ xấu phát sinh nguyên nhân khách quan chưa phải bất khả kháng, khách hàng còn tồn tại và hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và ngân hàng có đủ thông tin để đánh giá khách hàng có khả năng phát

triển trong tương lai, thì ngân hàng có thể xem xét thực hiện việc cơ cấu lại nợ cho khách hàng nhằm giảm bớt sức ép trả nợ đến hạn, giúp cho khách hàng có được cơ hội để tiếp tục sản xuất kinh doanh và có nguồn thu để trả nợ cho khách hàng.

-Những trường hợp khách hàng cố tình chây ì để nợ quá hạn kéo dài, các Ngân hàng cần sử dụng những biện pháp cứng rắn kết hợp với sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng để phát mại tài sản thế chấp, khởi kiện, cưỡng chế để thu hồi nợ.

-Trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro hợp lý và có hiệu quả. Để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh trong trường hợp có rủi ro xảy ra, ngân hàng cần tuân thủ các quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng và tổ chức tín dụng.

-Bán các khoản nợ xấu. Bằng việc tham gia thị trường mua bán nợ, ngân hàng có thể xem xét bán các khoản nợ xấu cho các công ty mua bán nợ, các ngân hàng hoặc các chủ thể kinh tế khác theo quy định hiện hành.

### **3.2.5 Nâng cao hiệu quả huy động vốn**

-Đầu tiên, ngân hàng cần tạo niềm tin cho khách hàng đến gửi tiền bởi vì lòng tin là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại của một ngân hàng, ngân hàng có huy động được vốn hay không là tùy thuộc vào lòng tin của khách hàng. Tạo lòng tin nơi khách hàng xét ở nhiều khía cạnh:

+ Cơ sở vật chất: Đây cơ sở vững vàng để tạo niềm tin cho khách hàng, nhất là vấn đề huy động tiền gửi. Trước hết, ngân hàng nên đầu tư vào cơ sở vật chất, trang thiết bị nơi trụ sở làm việc, bày trí một cách có khoa học và thẩm mỹ, như vậy sẽ tạo ấn tượng tốt ban đầu cho khách hàng đến gửi tiền, họ tin rằng ngân hàng làm ăn có hiệu quả và mới an tâm gửi tiền của mình vào đó.

+ Phong cách phục vụ và trình độ nhân viên: ngân hàng cần thường xuyên có lớp huấn luyện nâng cao trình độ và phong cách phục vụ cho cán bộ, nhân viên, tạo tác phong làm việc nhanh nhẹn, lịch sự, nhã nhặn và chuyên nghiệp cho nhân viên đặc biệt là những nhân viên trực tiếp tiếp xúc với khách hàng.

-Đơn giản hóa thủ tục gửi tiết kiệm và thực hiện các biện pháp tiếp thị:

+Triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu, tập trung thực hiện đồng bộ

hóa các ấn phẩm văn phòng, các biểu mẫu giao dịch theo chuẩn mực đã được ban hành nhằm tăng mức độ nhận biết của khách hàng đối với thương hiệu của ngân hàng.

+Xây dựng hệ thống thu thập ý kiến khách hàng từ đó đưa ra các giải pháp, chính sách chăm sóc khách hàng tốt hơn.

+Lên kế hoạch các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, phù hợp với chiến lược và chính sách kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kì.

-Ngân hàng tiếp tục duy trì chính sách đa dạng hóa sản phẩm. Trên cơ sở đó, ngân hàng sẽ thực hiện việc rà soát, đánh giá lại những sản phẩm đã triển khai để hoàn thiện danh mục sản phẩm; tiến hành phân khúc, phân tích nhu cầu của từng nhóm đối tượng khách hàng đến gửi tiền nhằm đáp ứng nhu cầu cho khách hàng.

### **3.3 Một số kiến nghị**

#### ***3.3.1 Đối với Hội sở chính của VID Public Bank***

##### ***3.3.1.1 Hội sở chính nên chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ tín dụng của toàn hệ thống***

Thực tế ở Việt Nam hiện nay cho thấy hầu hết các NHTM lớn và có uy tín đều có các trung tâm đào tạo riêng. Các trung tâm đào tạo nhân viên này sẽ đảm nhiệm việc đào tạo hoặc đào tạo lại nhằm trang bị các kiến thức công việc, quy trình và các kỹ năng thực hiện công việc. Các ngân hàng này rất chú trọng đến việc đào tạo cán bộ, nhân viên tín dụng do tính chất phức tạp vốn có và tính chất biến động thường xuyên với những rủi ro lớn của mảng công việc tín dụng. Cho đến nay, VID Public Bank chưa có bộ phận chuyên trách đào tạo nhân viên, không có chương trình đào tạo nhân viên mới một cách chính tắc, ít tổ chức các lớp đào tạo và bồi dưỡng cho cán bộ tín dụng, 1 đến 2 năm mới tổ chức 1 lần học nghiệp vụ, thời gian học mỗi lần lại quá ngắn, thông thường chỉ vồn vện trong 1,5- 2 ngày. Cán bộ tín dụng đang phải đảm nhận quá nhiều việc liên quan đến nhiều mảng nghiệp vụ, nhiều kiến thức khác nhau. Nếu không được đào tạo, bồi dưỡng thì cán bộ tín dụng sẽ khó lòng mà thực hiện tốt các công việc của họ, nguy hiểm hơn là sẽ làm tiềm tàng và xuất hiện nhiều rủi ro do cán bộ không đủ năng lực bao quát và kiểm soát công việc.

Chính vì vậy, VID PUBLIC BANK HP đề nghị Hội sở chính tổ chức nhiều hơn nữa các khóa đào tạo cho cán bộ tín dụng. Việc tổ chức lớp đào tạo nên kết hợp với các chi nhánh gần nhau về mặt địa lý và nên mời các chuyên gia trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng giảng dạy thì sẽ có chất lượng tốt hơn. Sau các đợt đào tạo hoặc định lý hàng năm, Hội sở nên tổ chức các cuộc thi cán bộ tín dụng giỏi để khuyến khích nhân viên thường xuyên trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ và năng lực công tác. Bên cạnh đó, Hội sở nên duyệt ngân sách đào tạo của VID PUBLIC BANK HP nhiều hơn để VID PUBLIC BANK HP tự tổ chức lớp học hoặc cử các cán bộ, nhân viên tín dụng tham gia các chương trình đào tạo thiết thực và bổ ích cho công việc ở cả trong và ngoài nước.

### ***3.3.1.1 Hội sở cần tăng cường hơn nữa hoạt động thanh tra, kiểm soát, đặc biệt đối với hoạt động tín dụng***

Trong các năm qua, công tác kiểm soát nội bộ của Hội sở đối với các CN vẫn còn chưa được thường xuyên. Hội sở cần tăng cường hơn nữa hoạt động thanh tra, kiểm soát, đặc biệt đối với hoạt động tín dụng. Thông qua đó, Hội sở sẽ có chỉ đạo các chi nhánh điều chỉnh, khắc phục kịp thời những sai sót, lệch lạc cũng như kịp thời bổ sung hoàn thiện quy trình, quy chế cho vay phù hợp hơn với điều kiện kinh tế, xã hội của Việt Nam, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của VID PUBLIC BANK HP đồng thời vẫn đảm bảo việc tăng trưởng dư nợ và đảm bảo chất lượng tín dụng.

### ***3.3.1.1 Thực hiện và hỗ trợ các chi nhánh thực hiện các hoạt động quảng cáo, quảng bá thương hiệu và hình ảnh của ngân hàng VID Public Bank***

Hội sở nên trực tiếp thực hiện hoặc duyệt kinh phí cho chi nhánh thực hiện các chương trình quảng cáo các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng, quảng bá thương hiệu và hình ảnh của ngân hàng trên các phương tiện thông tin đại chúng như trên các kênh truyền hình truyền hình trung ương và tại Hải Phòng, qua việc tài trợ các sự kiện lớn của thành phố Hải Phòng, cho phép chi nhánh đặt các biển quảng cáo lớn hơn và ở những vị trí thu hút nhiều người xem.

### ***3.3.1.1 Tăng cường công tác thu thập, xử lý thông tin và cảnh báo cho bộ phận tín dụng trong toàn hệ thống***

Hội sở cần tăng cường công tác thu thập thông tin, có những phân tích, đánh giá và cảnh báo cần thiết cho bộ phận tín dụng trong toàn hệ thống ngân

hàng VID Public Bank. Điều mà các chi nhánh rất mong đợi là Hội sở chính nên có các hướng dẫn thực hiện các bước quy trình nghiệp vụ, thực thi các văn bản pháp quy kịp thời và chi tiết hơn trước. Hoạt động tín dụng càng mở rộng, những vấn đề nghiệp vụ phát sinh, những tranh chấp, kiện tụng ngày càng nhiều hơn. Vì vậy, Hội sở nên khẩn trương thành lập Bộ phận pháp chế để rà soát và thống nhất tất cả các mẫu biểu của cả hệ thống, cập nhật thường xuyên các văn bản pháp luật liên quan và hướng dẫn chi tiết cho các chi nhánh thực hiện để

### ***3.3.1.2 Hoàn thiện chính sách tín dụng và quy trình tín dụng***

Hoàn thiện chính sách tín dụng và quy trình tín dụng sẽ mang lại nhiều lợi thế và thuận lợi cho ngân hàng và nhằm đạt được mục tiêu cân bằng giữa tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, từng bước phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Nó giúp cho VID Public Bank nói chung và VID PUBLIC BANK HP nói riêng hướng tới một danh mục cấp tín dụng hiệu quả, có thể đạt được nhiều mục tiêu và hướng dẫn cho đội ngũ nhân viên tín dụng các thủ tục, các bước phải tuân thủ và chỉ ra phạm vi trách nhiệm của họ. Với vai trò quan trọng như vậy, việc hoàn thiện chính sách và quy trình tín dụng của NHLD VID Public cần tập trung vào một số nội dung sau:

- NHLD VID Public cần xác định rõ thị trường khách hàng mục tiêu của NHLD VID Public là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tập trung vào các ngành thế mạnh của Việt Nam và các khách hàng cá nhân có tiềm năng.

- NHLD VID Public cần chủ động hơn trong việc tìm kiếm khách hàng tín dụng. Trước đây một phần lớn khách hàng tự tìm đến NHLD VID Public khi họ có nhu cầu vay vốn. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh mạnh mẽ như hiện nay, nếu VID PUBLIC BANK HP không chủ động tìm kiếm khách hàng tín dụng mới thì sẽ rất khó phát triển được hoạt động tín dụng, thậm chí bị các ngân hàng khác giành mất các khách hàng hiện tại của mình.

- Tập trung phục vụ tốt các khách hàng truyền thống, sẵn có, khai thác tối đa nhu cầu tín dụng và các dịch vụ khác của nhóm khách hàng này. Việc giữ một khách hàng hiện có sẽ đơn giản, ít chi phí, ít thời gian và dễ dàng hơn rất nhiều so với việc thu hút và thuyết phục một khách hàng tín dụng mới. Hơn nữa, NHLD VID Public sẽ hạn chế được nhiều rủi ro do hiểu biết và nắm rõ về các khách hàng tín dụng hiện tại.



- NHLD VID Public nên quan tâm hơn và tăng cường, mở rộng cho vay đối với các khách hàng vừa và nhỏ thuộc các tỉnh lân cận các chi nhánh của mình.

- NHLD VID Public nên đa dạng hoá các phương thức cho vay, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng. Trong đó, NHLD VID Public nên xúc tiến nhiều hơn nữa việc cho vay đồng tài trợ, đặc biệt là với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Đây là hình thức cho vay giảm được nhiều rủi ro vì các ngân hàng tham gia cho vay cùng thực hiện việc thẩm định nên chất lượng thẩm định sẽ cao hơn rất nhiều.

- NHLD VID Public nên áp dụng linh hoạt hơn trong quy định về TSBĐ bảo đối với các đối tượng khách hàng khác nhau. Đối với các khách hàng thực sự uy tín, tiềm năng, sx kinh doanh hiệu quả, dự án thực sự khả thi thì NHLD VID Public có thể nhận một số loại tài sản như hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ hay các máy móc thiết bị đã cũ của khách hàng làm TSBĐ cho tiền vay của khách hàng.

- Ngoài quy trình nghiệp vụ tín dụng chung, NHLD VID Public cần có các quy định, các hướng dẫn cụ thể đối với từng nhóm, từng ngành hàng, lĩnh vực phục vụ quá trình thẩm định, đặc biệt là những khác biệt cơ bản giữa các ngành, các lĩnh vực về các chỉ số tài chính, triển vọng phát triển,... để có những bước thẩm định thích hợp, chuyên sâu hơn và có hiệu quả, nâng cao được khả năng cạnh tranh, hạn chế thấp nhất rủi ro cho ngân hàng.

### **3.3.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI thông qua đã xác định: *“Chính sách tiền tệ phải chủ động và linh hoạt thúc đẩy tăng trưởng bền vững, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng. Mở rộng các hình thức thanh toán qua ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt”*.

NHNN là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối, thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Quản lý hoạt động tín dụng là một trong những nội dung quản lý quan trọng của NHNN.

### ***3.3.2.1 NHNN phải tổ chức xây dựng đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn kinh doanh tiền tệ - ngân hàng.***

Thực hiện nội dung này là cơ sở đảm bảo các hoạt động ngân hàng an toàn hơn, minh bạch, công bằng, thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng. NHNN cần phải loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi trong lĩnh vực ngân hàng và phân biệt đối xử giữa các TCTD, điển hình là NHNN thường vẫn còn khá ưu ái trong việc tái cấp vốn cho các NHTM nhà nước và các NHTM lớn, vẫn tạo tình trạng “vốn rẻ” cho các ngân hàng này.

### ***3.3.2.1 NHNN cần tiếp tục điều hành linh hoạt, thận trọng các công cụ chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát, đảm bảo ổn định giá trị đồng tiền, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.***

Việc thực hiện tốt nội dung này trong thời gian tới sẽ, khiến người dân tin tưởng gửi tiền vào hệ thống ngân hàng và các NHTM có thể tiếp tục thu hút có hiệu quả các nguồn vốn trong nhân dân để phục vụ phát triển kinh tế. Mặt khác, NHNN cần chỉ đạo các TCTD đa dạng các hình thức huy động vốn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng... để thu hút tối đa nguồn vốn nhàn rỗi trong dân, phục vụ nhu cầu vốn của nền kinh tế.

### ***3.3.2.1 NHNN cần thực hiện thường xuyên và tích cực hơn nữa trong công tác thanh tra, giám sát an toàn hoạt động ngân hàng, đặc biệt là đối với lĩnh vực tín dụng ngân hàng.***

Thực hiện nội dung này nhằm có những cảnh báo các TCTD những nguy hiểm, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý sớm các rủi ro có khả năng xảy ra trong quá trình hoạt động của các TCTD. Mặt khác, NHNN cần có cơ chế quản lý, biện pháp thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo hiệu lực thực thi các quy định do NHNN ban hành và đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động kinh doanh tiền tệ giữa các NHTM, tạo điều kiện cho các ngân hàng có uy tín, nghiêm túc làm ăn có hiệu quả, tồn tại và phát triển vững chắc.

### ***3.3.2.1 Thực hiện chính sách lãi suất thoả thuận theo nguyên tắc thị trường.***

Trong thời gian qua NHNN đã sử dụng quá nhiều các biện pháp hành chính, can thiệp trực tiếp vào các hoạt động ngân hàng. Các biện pháp hành chính không được lạm dụng quá mức, chỉ nên được sử dụng khi nền kinh tế phải chịu những tác động xấu từ bên ngoài cũng như những tình thế đặc biệt hoặc phát sinh bất ngờ ở trong nước gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động trên thị trường tài chính tiền tệ, mà những công cụ điều hành gián tiếp của ngân hàng trung ương không kiểm soát được thì ngân hàng trung ương mới can thiệp trực tiếp vào cơ chế lãi suất của các NHTM.

### ***3.3.2.1 Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng (CIC).***

Thị trường tài chính càng phát triển các TCTD càng phải đối diện nhiều hơn với các rủi ro, đặc biệt là các hoạt động tín dụng. Để hạn chế rủi ro, thông tin vô cùng quan trọng đối với các hoạt động của các TCTD. Nhiều năm qua, CIC đã cung cấp nhiều nhóm sản phẩm đa dạng, góp phần không nhỏ trong ngăn ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các TCTD, đảm bảo công bằng trong tiếp cận tín dụng với tất cả khách hàng vay, giúp TCTD hoạt động hiệu quả. Trong thời gian tới, đề nghị CIC cần phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin tín dụng mới, đáp ứng với nhu cầu thông tin của các TCTD và tổ chức quản lý kinh tế, cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước. CIC cần khai thác, cập nhật thường xuyên các nguồn thông tin khác ở cả trong và ngoài nước, xây dựng được một kho thông tin tín dụng quốc gia thống nhất, đầy đủ, chất lượng cao, là kênh thông tin tín dụng tin cậy, cung cấp đa dạng sản phẩm thông tin cho NHNN, các TCTD, tổ chức khác và cá nhân trong việc điều hành chính sách tiền tệ, quyết định đầu tư, tiếp cận tín dụng một cách khách quan, minh bạch, giải quyết tốt nhất khả năng không cân xứng về thông tin, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế. CIC nên thực hiện ngay những cải tiến để bản tin tổng hợp quan hệ tín dụng của khách hàng phản ánh các thông tin được đầy đủ và chi tiết hơn và xem xét giảm mức phí cấp thông tin tín dụng xuống mức thấp hơn (hiện nay là 60.000 đ/ bản tin) để các TCTD sử dụng thường xuyên hơn và sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ của CIC hơn, qua đó góp phần phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng.

### **3.3.3 Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành**

#### **3.3.3.1 Chính phủ cần chú trọng phát triển bền vững kinh tế trong nước.**

Chính phủ và các Bộ ngành cần thực hiện khẩn trương và có hiệu quả các biện pháp cụ thể như: Tăng cường nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, tạo điều kiện áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất sản xuất trong nước; Điều chỉnh cơ cấu xuất nhập khẩu theo hướng xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp sang xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, đòi hỏi tính sáng tạo; Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài; Đề ra và thực thi các chính sách hỗ trợ để doanh nghiệp có thể mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh như khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại, cho doanh nghiệp thuê đất xây dựng cơ sở, hỗ trợ về mặt đào tạo cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Đó chính là nguồn gốc, là tiền đề cho việc nâng cao chất lượng tín dụng đối với các ngân hàng.

#### **3.3.3.2 Chính phủ cần phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính**

Theo Bộ Nội vụ, cải cách thủ tục hành chính ở nước ta đã được thực hiện nhiều năm nay, nhưng về cơ bản vẫn chưa xóa bỏ hết các thủ tục hành chính mang tính quan liêu, rườm rà, gây phiền hà cho doanh nghiệp và người dân. Đối với các doanh nghiệp và đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài, thủ tục hành chính phức tạp và không đồng bộ hay việc thực thi luật pháp không đồng nhất giữa các cơ quan liên quan có thể gây ra những trở ngại lớn để tiến hành hoạt động kinh doanh thành công tại Việt Nam. Các nhà đầu tư phải tiếp cận với hàng loạt cơ quan chính quyền thực sự là một sự lãng phí thời gian và làm họ nản lòng không muốn đầu tư. Vì thế, việc giảm gánh nặng hành chính ở tất cả các cấp là một yếu tố rất quan trọng. Các Bộ, ngành ở nước ta cần thành lập các tổ công tác rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các thủ tục hành chính trong Bộ, ngành mình, kết hợp với lấy ý kiến của doanh nghiệp và người dân trong quan hệ giải quyết các thủ tục hành chính, từ đó xác định chức năng, thủ tục gì cần giữ, chức năng, thủ tục gì cần chuyên giao hoặc loại bỏ để nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện môi trường đầu tư, thu hút mạnh mẽ nguồn đầu tư nước ngoài phục vụ nhân dân và doanh nghiệp thuận lợi hơn.

***3.3.3.3 Các chính sách, các quy định của các Bộ, ngành liên quan đến hoạt động ngân hàng nói chung, đến hoạt tín dụng ngân hàng nói riêng phải đảm bảo đạt được nhiều yêu cầu, nhiều mục tiêu, cụ thể như sau.***

Các chính sách, các quy định pháp luật phải đảm bảo: Lãnh mạnh hoá tổ chức và hoạt động của các TCTD; Thúc đẩy hoạt động cung ứng các dịch vụ ngân hàng đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế; Đưa ra được những quy định phù hợp với thông lệ quốc tế trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt lưu ý đến những cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam trong những năm vừa qua; Tạo ra được một cơ sở pháp lý bảo đảm sự tự chủ trong kinh doanh của các TCTD, đồng thời bảo đảm sự chặt chẽ, thận trọng trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là nâng cao được khả năng kiểm soát, giám sát của NHNN đối với hoạt động của từng TCTD và sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng; Khắc phục bất cập đã nảy sinh trong quá trình thực hiện các quy định pháp luật hiện hành, khắc phục bất cập do xung đột giữa các quy định pháp luật.

## PHẦN KẾT LUẬN

Trong những năm qua, hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có những đổi mới căn bản trên nhiều phương diện và đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước. Hoạt động ngân hàng với các sản phẩm dịch vụ phong phú đang không ngừng phát triển. Trong các hoạt động ngân hàng thì tín dụng vẫn là hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận chủ yếu và tín dụng là loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất tại các NHTM. Tuy nhiên, hoạt động này luôn tiềm ẩn rủi ro cao. Vì vậy, giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng luôn là vấn đề đặc biệt quan trọng với mỗi NHTM.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn hoạt động tín dụng tại Ngân hàng LD VID Public - CN Hải Phòng đã thành những nhiệm vụ sau:

Phân tích và làm rõ những nội dung cơ bản về tín dụng và chất lượng tín dụng của NHTM trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Đã đưa ra một hệ thống các chỉ tiêu định tính, định lượng đã được đề cập, đánh giá, phân tích trong đề tài nhằm giúp đánh giá chính xác về chất lượng tín dụng của mỗi NHTM nói chung và Ngân hàng VID PUBLIC HẢI PHÒNG nói riêng. Trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm giúp cho Ngân hàng VID PUBLIC HẢI PHÒNG hoạt động một cách hiệu quả hơn.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng tín dụng tại VID PUBLIC HẢI PHÒNG qua 3 năm 2011-2013, đề tài đã phân tích và làm rõ những kết quả đạt được và một số tồn tại cũng như nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Đó là tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn ở con số đang phải lưu tâm tại chi nhánh (4,76%-3,02%) đó vẫn đề nhạy cảm của ngân hàng cần có thời gian xử lý hết tình trạng trên. Nhưng ngân hàng VID PUBLIC HẢI PHÒNG trong năm qua đã duy trì được hoạt động kinh doanh của mình, và hoàn thành chỉ tiêu Hội sở chính đã giao mặc dù nền kinh tế khó khăn, ảm đạm đó là điều đáng khích lệ. Vẫn còn một số tồn tại đang cần phải giải quyết đó là tình trạng nợ quá hạn, nợ xấu tại, cơ cấu nợ chưa hợp lý, thị phần, khách hàng.... chi nhánh cần phải giải quyết triệt để góp phần nâng cao chất lượng tín tại chi nhánh.

Qua đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với điều kiện cũng như thực trạng tín dụng nhằm nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng LD VID PUBLIC – CN

HẢI PHÒNG: Nâng cao chất lượng thẩm định dự án vay vốn, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng và đặc biệt có tăng cường quản lý, xử lý nợ xấu nó vấn đề nhức nhối vẫn còn tồn tại.

Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng luôn là một yêu cầu khách quan, quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nhưng chất lượng tín dụng cũng chịu tác động của nhiều yếu tố chủ quan lẫn khách quan và đây sự là vấn đề lớn và phức tạp. Trong phạm vi hiểu biết của mình cũng như giới hạn của đề tài không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được nhận những ý kiến đóng góp của thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn cũng như hoàn thiện nhận thức của bản thân.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ngân hàng liên doanh VID Public (2011,2012,2013), Báo cáo thường niên.
2. Ngân hàng liên doanh VID Public (2010), Sổ tay tín dụng, Hà Nội.
3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật NHNN Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật các TCTD, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính - NXB khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
6. Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội
7. Trung tâm thông tin tín dụng – ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bản tin thông tin tín dụng (các số xuất bản trong năm 2010, 2011)
8. Website: [www.vidpublicbank.com.vn](http://www.vidpublicbank.com.vn), [www.cafef.vn](http://www.cafef.vn), [www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net), [www.vnesssconomy.vn](http://www.vnesssconomy.vn) [www.baomoi.com](http://www.baomoi.com) [www.moj.gov.vn](http://www.moj.gov.vn)
9. Luật TCTD số 47/2010/QH12 - ngày 16/6/2010



**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

- NHTM: Ngân hàng thương mại
- LD: Liên doanh
- CN: Chi nhánh
- TCTD: Tổ chức tín dụng
- TSDB: Tài sản đảm bảo
- DNNN: Doanh nghiệp nhà nước
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- TT: Thông tư
- DPRR: Dự phòng rủi ro
- RRTD: Rủi ro tín dụng
- DPCT: Dự phòng cụ thể
- DPC: Dự phòng chung